

Phụ lục 03

**DANH MỤC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT DƯ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CẤP XÃ ĐƯỢC
PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN CHUYỂN GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	
	TỔNG CỘNG	985	1.143.685	172.740	205.745		
A	ĐỊA BÀN QUẢNG NGÃI (CŨ)	711	741.460	106.149	122.117		
1	XÃ TỊNH KHÊ	12	19.371,10	1.528,40	1.528,40		
	Trường mầm non phân hiệu An Đạo	1	412,60	120,00	120,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường mầm non Tịnh Thiện (Cơ sở Thôn Phú Vinh, xã Tịnh Khê)	1	1.344,00	84,00	84,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường mầm non Tịnh Thiện (Cơ sở Thôn Hòa Bân, xã Tịnh Khê)	1	918,00	72,00	72,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường mầm non - Cơ sở tại Khê Thuận (thôn Tư Cung, xã Tịnh Khê)	1	329,90	200,40	200,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Tiểu học Tịnh Khê - Phân hiệu Thôn Mỹ Lại, xã Tịnh Khê	1	2.122,00	300,00	300,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Tiểu học Tịnh Thiện (thôn Hòa Bân, xã Tịnh Thiện) (gồm hai ngôi nhà)	1	4.880,00	400,00	400,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trường mầm non Tịnh Thiện (Cơ sở Phú Thạnh, thôn Phú Vinh)	1	699,30			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường mầm non Tịnh Thiện - Điểm Xóm: Tập Hòa (Cơ sở thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Khê)	1	273,70	48,00	48,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường mầm non Tịnh Thiện - Điểm Xóm: Tân An (Cơ sở thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Khê)	1	1.032,20	68,00	68,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường mầm non Tịnh Thiện - Điểm Xóm: Khánh Vân (Cơ sở thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Khê)	1	626,30	52,00	52,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường mầm non Tịnh Châu- Cơ sở tại thôn Kim Lộc	1	680,80			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trụ sở làm việc UBND xã - Khối MTTQVN xã (Thôn Tăng Long, xã Tịnh Khê)	1	6.052,30	184,00	184,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
2	PHƯỜNG TRƯỞNG QUANG TRỌNG	21	17.523,50	3.080,07	3.555,20		
	Đất, nhà hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo (TDP Cộng Hòa I)	1	559,50	80,00	80,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất, nhà hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo (TDP Cộng Hòa II)	1	1.200,00	80,00	80,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất, nhà hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo (TDP Độc Lập)	1	996,80	122,00	122,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Đất, nhà hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo (TDP Thống Nhất)	1	607,70	335,00	335,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất số nhà 688 Nguyễn Văn Linh, Phường Trương Quang Trọng	1	154,20	154,20	154,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh	1	949,20	251,00	251,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Hội y học cổ truyền	1	59,80	51,00	51,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Hội đồng nhân dân Huyện Sơn Tịnh	1	71,40	131,00	131,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Hội Người mù huyện Sơn Tịnh	1	40,60	37,00	37,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	KBNN Huyện Sơn Tịnh	1	1.453,00	526,00	526,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh tại thôn Trường Thọ Tây, thị trấn Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh	1	3.094,70	400,67	876,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Cơ sở nhà đội thuế, thôn Long Bàn, xã Tịnh An	1	246,50	52,60	52,60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà số 32 từ chế độ cũ xã Tịnh An, thôn Long Bàn, xã Tịnh An	1	246,50	28,30	28,30	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trường mẫu giáo tại Tổ Dân phố Trường Thọ Đông A	1	145,00	80,00	80,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Tịnh An (Cơ sở thôn Ngọc Thạch)	1	1.701,00	60,00	60,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Tịnh An (Cơ sở thôn Tân Mỹ I)	1	54,00	54,00	54,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Tịnh An (Cơ sở thôn Long Bàn II)	1	894,00	60,00	60,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Tịnh An (Cơ sở thôn Tân Mỹ II)	1	627,00	171,30	171,30	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm mua bán của UBND xã Tịnh An	1	1.664,00	54,00	54,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Đất, nhà Trường Mầm non TDP Quyết Thắng	1	371,60	50,00	50,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện/ Số 866, Võ Nguyên Giáp, xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi	1	2.387,00	302,00	302,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
3	XÃ AN PHÚ	12	15.618,50	2.508,59	3.436,59		
	Trường Mẫu giáo đội 7, thôn 4 xã Nghĩa Đồng	1	749,00	62,49	62,49	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mẫu giáo đội 5, thôn 3 xã Nghĩa Đồng	1	560,80	153,40	153,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mẫu giáo đội 4, thôn 1 xã Nghĩa Đồng	1	498,00	93,20	93,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mẫu giáo đội 1, thôn 1 xã Nghĩa Đồng	1	852,00	107,50	107,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trường Mẫu giáo đội 2, thôn 2 xã Nghĩa Đồng	1	611,30	192,70	192,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mẫu giáo đội 6, thôn 4 xã Nghĩa Đồng	1	927,20	69,80	69,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Nghĩa An (Cơ sở thôn Phở Trường)	1	529,00	136,00	136,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Nghĩa Phú (Cơ sở 1, thôn Cổ Lũy Bắc)	1	2.443,60	618,00	948,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường TH&THCS Nghĩa Phú (Cơ sở thôn Cổ Lũy Bắc)	1	6.233,00	598,00	1.196,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Cửa hàng Nghĩa Phú cũ	1	114,00	94,30	94,30	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đội thuế cũ tại Thôn Thanh An - Phú Thọ	1	31,70	31,70	31,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trụ sở HTX Nông nghiệp Nghĩa Đồng, thôn 3, xã Nghĩa Đồng	1	2.068,90	351,50	351,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
4	PHƯỜNG CẨM THÀNH	19	4.832,05	2.278,06	4.669,44		
-	Nhà hẻm 03/9 Phạm Xuân Hòa (nhà sụp đổ), Phường Trần Hưng Đạo	1	60,00	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Số nhà 66 Phan Chu Trinh (nay là 64 Phan Chu Trinh), Phường Nguyễn Nghiêm	1	144,50	150,79	309,52	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Số nhà 76 Ngô Quyền Phường Nguyễn Nghiêm	1	128,60	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trụ sở số 299 Nguyễn Nghiêm (Phòng Nội vụ cũ)	1	152,00	140,50	324,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trụ sở số 532 Quang Trung (Phòng Y tế thành phố cũ)	1	75,30	75,30	170,90	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trụ sở số 308 Nguyễn Nghiêm (Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao thành phố)	1	75,20	75,20	209,60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Thư viện thành phố số 486 Quang Trung (Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao thành phố)	1	371,70	75,20	70,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trụ sở làm việc (cũ) số 432 Quang Trung (Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố)	1	75,50	75,60	184,10	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Tiểu học Nghĩa Chánh						
	Cơ sở Ngọc Điền (cũ), tổ 3 phường Cẩm Thành	1	1.924,00	210,00	210,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Hội đặc thù Phường Chánh Lộ, số 20 Lê Lợi	1	104,20	104,20	104,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trụ sở Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, số 327-329 Nguyễn Nghiêm	1	144,94	144,94	426,49	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trụ sở Phòng Kinh tế, số 264 Nguyễn Nghiêm	1	203,75	203,75	427,69	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trụ sở Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin, số 04 Phan Chu Trinh	1	330,31	266,70	571,47	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trụ sở làm việc Hội Luật gia thành phố, số 66A Phan Đình Phùng	1	76,65	76,65	76,65	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trụ sở Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội, số 116 Phan Đình Phùng	1	146,75	146,75	404,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trụ sở làm việc cho các tổ chức Hội và phòng khám từ thiện, số 20 Phạm Xuân Hòa	1	609,96	323,80	971,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trụ sở Hội Người cao tuổi, số 53 Phan Chu Trinh	1	90,97	90,97	91,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trụ sở Hội Đông y, số 66 Phan Đình Phùng	1	57,72	57,72	57,72	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trụ sở Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin, số 66 Phan Đình Phùng	1	60,00	60,00	60,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
5	PHƯỜNG NGHĨA LỘ	13	5.341,30	2.188,04	3.127,98		
	Cơ sở nhà, đất trước đây là Trường mẫu giáo tiểu thị trấn, số 193 Nguyễn Thụy, Phường Quảng Phú	1	97,60	80,00	80,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trụ sở tại số 214 Hùng Vương, Phường Trần Phú (Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố cũ)	1	111,8	99,5	140,5	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Cơ sở nhà, đất tại 02 Hoàng Văn Thụ - Hợp tác xã mua bán Phường Quảng Phú (cũ)	1	192,0	192,0	192,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Ban bảo vệ dân phố Phường (Áp), đường Hai Bà Trưng, Phường Lê Hồng Phong	1	40,70	26,70	26,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Nhà làm việc Ban bảo vệ dân phố Phường, 161 Quang Trung, Phường Lê Hồng Phong (hiện nay là 166 Quang Trung)	1	51,90	51,90	51,90	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường mầm non Lê Hồng Phong (cũ), đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Lê Hồng Phong	1	1.020,0	400,0	400,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trụ sở tại số 135 Trương Quang Trọng (Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố cũ)	1	611,6	303,4	606,9	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Lê Hồng Phong						
	Cơ sở 2 tại số 19 đường Võ Tùng	1	1.094,2	482,0	964,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Nghĩa Lộ						
	Cơ sở Tổ 2, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi	1	340,8	100,0	100,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Cơ sở Tổ 12, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi	1	348,4			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Cơ sở Tổ 21, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi	1	340,3	60,0	60,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Quảng Phú						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Cơ sở 2 tổ 17, phường Quảng Phú	1	852,0	200,0	200,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Phòng Nội vụ thành phố Trụ sở tại số 131 Trương Quang Trọng	1	240,00	192,50	306,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
6	PHƯỜNG TRÀ CÂU	12	8.858,90	1.006,00	1.006,00		
-	Nhà đội Thuế xã Phổ An (TDP An Thạch, phường Trà Câu)	1	80,00		-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà đội Thuế xã Phổ Thuận (TDP Vùng 4, phường Trà Câu)	1	101,50	44,00	44,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Cửa hàng mua bán xã Phổ Thuận (cũ) (TDP Vùng 4, phường Trà Câu)	1	261,70	149,00	149,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Vùng 1, TDP Hải Tân, phường Phổ Quang	1	335,00	96,00	96,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường đội 9 (A), thôn An Thạch, xã Phổ An	1	329,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Thanh Bình, xã Phổ Thuận	1	1.860,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn An Định, xã Phổ Thuận	1	446,00	80,00	80,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường đội 8, thôn An Thạch, xã Phổ An	1	324,70	30,00	30,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường Vùng 9, TDP Phần Thát, phường Phổ Quang	1	800,00	127,00	127,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Nhà lớp học 04 phòng, Điểm trường thôn Vùg 4, xã Phổ Thuận	1	3.124,00	200,00	200,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Nhà lớp học 05 phòng, Điểm trường thôn An Định, xã Phổ Thuận	1	1.073,00	250,00	250,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường đội 9 (B), thôn An Thạch, xã Phổ An	1	124,00	30,00	30,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
7	PHƯỜNG ĐỨC PHỔ	23	36.018,00	5.391,90	7.696,70		
	Cơ quan hành chính						
-	Trụ sở làm UBND phường Phổ Minh (cũ)	1	4.924,0	761,5	1.419,9	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm UBND phường Phổ Hoà (cũ)	1	2.110	650	1.041	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm việc UBND phường Phổ Ninh (cũ)	1	3.482	340	457	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm việc UBND phường Nguyễn Nghiêm (cũ)	1	2.052	879	1.126	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trụ sở làm việc UBND phường Phổ Vinh (cũ)	1	3.220	736	972	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Tổ chức						
	Hội Chữ thập đỏ thị xã (cũ)	1	2.720	215	215	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đơn vị sự nghiệp						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trung tâm Nuôi dưỡng phục hồi chức năng nạn nhân chất độc da cam Đức Phổ (cũ)	1	1.996	388	607	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà làm việc, nhà để xe mô tô Đội vệ sinh môi trường (cũ)	1	2.315	362	362	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (cũ), phường Nguyễn Nghiêm (cũ)	1	100	90	90	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trạm Chăn nuôi và Thú y Đức Phổ, phường Nguyễn Nghiêm (cũ)	1	100	100	100	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Cửa hàng ăn uống của Hợp tác xã xã Phổ Ninh (cũ)	1	361	60	60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Cửa hàng mua bán của Thị trấn Đức Phổ (cũ)	1	103	98	98	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà đội thuế xã Phổ Minh	1	65	32	32	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà đội thuế xã Phổ Vinh	1	210			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Chi cục Thuế huyện (cũ)	1	1.400	440	879	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Phổ Hoà - Điểm trường Đội 2 TDP An Thường	1	585	50	50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trường Mầm non Phở Minh - Điểm trường Lâm An	1	1.920			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm - Điểm trường lẻ, đường Lý Thái Tổ	1	1.005	71	71	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm - Điểm trường lẻ, đường Võ Tùng	1	546	71	71	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Phở Vinh - Điểm trường Khánh Bắc	1	434	47	47	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Tiểu học Phở Ninh - Điểm trường TDP An Ninh	1	2.170	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Tiểu học Phở Ninh - Điểm Hội Đồng Canh, TDP An Trường	1	2.120	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường TH và THCS Phở Minh - Điểm trường Lâm An	1	2.081	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
8	XÃ NGUYỄN NGHIÊM	12	16.660,90	634,10	634,10		
-	Nhà đội thuế xã Phở Phong	1	90			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Phở Nhơn - điểm trường An Tây Điền, xã Phở Nhơn, Đức Phở	1	5.714	-		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Phở Phong - điểm trường thôn Vĩnh Xuân, xã Phở Phong	1	1.670	70	70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trường Mầm non Phổ Phong - điểm trường thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong (Trung Liêm cũ)	1	453	60	60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Phổ Phong - điểm trường thôn Gia An, xã Phổ Phong	1	649			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Phổ Phong - điểm trường thôn Hiệp An, xã Phổ Phong	1	512			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Phổ Phong - điểm trường thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong (Vạn Lý cũ)	1	588			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Phổ Nhon - điểm trường thôn Phước Nhon, xã Phổ Nhon	1	2.637	213	213	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Phổ Phong - điểm trường thôn Tân Phong, xã Phổ Phong	1	588	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Phổ Phong - điểm trung tâm (Khu giáo dục thể chất) thôn Tân Phong, xã Phổ Phong	1	770			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Phổ Phong - điểm trường thôn Hiệp An, xã Phổ Phong	1	1.950	145	145	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Phổ Phong - điểm trường thôn Vĩnh Xuân, xã Phổ Phong	1	1.040	145	145	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
9	XÃ KHÁNH CƯỜNG	16	22.502,40	2.031,60	2.645,50		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Cửa hàng ăn uống của Hợp tác xã xã Phổ Khánh (cũ)	1	1.465,0	220,0	220,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Phổ Khánh - Điểm trường Phước Điền, thôn Phước Điền, xã Phổ Khánh	1	1.253,0	180,0	180,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Phổ Khánh - Điểm trường Trung Hải, thôn trung Hải, xã Phổ Khánh	1	1.305,4	50,4	50,4	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Phổ Khánh - Điểm trường Vĩnh Anh, thôn Vĩnh An, xã Phổ Khánh	1	379,0	49,7	49,7	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Phổ Khánh - Điểm trường Phú Long, thôn Phú Long, xã Phổ Khánh	1	941,0	180,0	180,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Phổ Khánh - Điểm trường Diên Trường A, thôn Diên Trường, xã Phổ Khánh	1	340,0	70,2	70,2	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Phổ Khánh - Điểm trường Diên Trường B, thôn Diên Trường, xã Phổ Khánh	1	757,0	38,5	38,5	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Phổ Cường - Điểm trường cơ sở 3, thôn Thủy Thạch, xã Phổ Cường	1	843,0	50,0	50,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Phổ Khánh - Điểm trường thộ Qui Thiện, xã Phổ Khánh	1	1.406,0	168,0	168,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trường Tiểu học Phổ Khánh - Điểm trường xóm 18 thôn Trung Hải, xã Phổ Khánh	1	2.128,0			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Phổ Khánh - Điểm trường thôn Vĩnh An, xã Phổ Khánh	1	1.968,0			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Phổ Khánh - Điểm trường thôn Phú Long, xã Phổ Khánh	1	1.298,0	138,7	138,7	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Phổ Cường - Điểm trường thôn Thanh Sơn, xã Phổ Cường	1	2.526,0	288,0	576,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Phổ Cường - Điểm trường thôn Thủy Thạch, xã Phổ Cường	1	2.253,0	199,5	308,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Phổ Cường - Điểm trường thôn Lâm Bình, xã Phổ Cường	1	932,0	199,3	308,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Phổ Cường - Điểm trường thôn Xuân Thành, xã Phổ Cường	1	2.708,0	199,3	308,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
10	PHƯỜNG SA HUỠNH	2	396,00	48,00	48,00		
	Nhà đội thuế xã Phổ Châu	1	96,0			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường TDP Tân Diêm, phường Phổ Thạnh	1	300,0	48,0	48,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
11	XÃ SƠN HẠ	26	13.232,84	2.596,19	2.596,19		
-	Nhà làm việc Trụ Sở UBND xã Sơn Nam (cũ)	1	1.443,30	452,70	452,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm Trường Gò Ra	1	183,30	167,70	167,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Điểm Trường Gò Rin	1	330,60	84,62	84,62	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm Trường Xóm Mới	1	1.131,80	108,00	108,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm Trường Cà Đáo	1	470,80	63,70	63,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm Trường Làng Vệt	1	670,40	88,50	88,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm Trường Gò Lũy	1	737,70	81,60	81,60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Xóm Reng	1	200,00	58,10	58,10	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Đèo Gió	1	257,30	57,11	57,11	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường lể Suối Cầu	1	48,70	104,00	104,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Xóm Trường, thôn Trường Ka, xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà	1	281,80	59,48	59,48	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Hà Bắc, thôn Hà Bắc, xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà/ Phòng học	1	1.023,80	34,00	34,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm Gò Cà, (Xóm Trường), thôn Trường Ka, xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà	1	48,70	48,70	48,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường lể Xã Diệu, / Dãy 1 phòng học	1	718,74	42,00	42,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm Trường Xóm Reng	1	750,00	128,00	128,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm Trường Xóm Lóc/ Nhà lớp học 1 phòng	1	155,90	52,00	52,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Điểm trường Gò Rinh	1	805,00	128,00	128,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Ruộng Viên (Thôn Hà Thành)	1	952,00	64,00	64,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Cà Đáo (Thôn Gò Rinh)	1	238,00	64,00	64,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Sơn Thành						
	Điểm trường Hoãn vậ	1	360,20	56,40	56,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Nhà Điểm trường Gò Đá, thôn Gò Gạo	1	552,20	150,70	150,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường MN Sơn Nham						
	Điểm Canh Mo	1	68,90	36,00	36,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm Xà Riêng	1	322,00	65,00	65,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường MN Hoa Hồng						
	Điểm trường Kà Tu	1	309,60	56,94	56,94	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Phòng học			45,03	45,03		
	Nhà vệ sinh			3,91	3,91		
	Nhà kho			8,00	8,00		
	Trường MN Hương Sen						
	Điểm trường lẻ Hà Bắc, Dây 1 phòng học	1	280,00	108,00	108,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường TH Sơn Hạ số I						
	Điểm Suối Cầu thôn Trường Ka, Dây 3 phòng học	1	892,10	180,00	180,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
12	XÃ SƠN LINH	13	9.927,20	1.203,67	1.173,58		
-	Trường MN Sơn Ca						
-	Điểm trường Đồng Lang tại thôn Làng Ghè	1	476,60	64,00	64,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Điểm trường Gò Vườn	1	2.550,90	150,00	150,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường MN Bình Minh						
-	Điểm trường Đồng Giang	1	852,20	60,00	60,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Gò Ngoài	1	404,90	59,00	59,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Gò Rìa	1	492,50	77,22	77,22	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà đất tại Thôn Đồng Giang (cũ) nay là Gò Đồn	1	375,60	240,00	240,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Làng Rê	1	309,60	60,00	60,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường MN Tuổi Thơ						
-	Điểm trường Đồng Sạ 1	1	433,10	90,00	90,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Làng Gung	1	289,00	91,20	91,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH Sơn Linh						
-	Điểm trường Làng Xinh 1 (Đất sự nghiệp)	1	788,20	56,25	56,25	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Làng Xinh 2 (Đất sự nghiệp)	1	916,30	58,00	58,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường THCS Sơn Linh						
-	Khu tập thể giáo viên	1	1.102,30			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà ở giáo viên: 03 phòng			68,00	64,35		
	Nhà ở giáo viên: 02 phòng			52,00	43,56		
	Nhà vệ sinh			20,00	2,00		
-	Trường TH&THCS Sơn Giang						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Điểm Đèo Bứa	1	936,00	58,00	58,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
13	XÃ SƠN HÀ	10	6.290,70	1.325,00	1.904,00		
-	Trụ sở làm việc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Sơn Hà cũ	1	1.231,9	474,0	820,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà làm việc Hội Chữ thập đỏ huyện Sơn Hà cũ	1	400,0	77,0	77,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm việc UBND xã Sơn Bao cũ	1	2.517,2	386,0	784,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Hòa Mi						
-	Điểm trường tại TDP Làng Dầu, TT Di Lăng, huyện Sơn Hà	1	258,0	55,0		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm tại TDP Nước Bung, TT Di Lăng, huyện Sơn Hà	1	155,5	55,0		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Phòng học trên đất Điểm tại TDP Nước Nĩa, TT Di Lăng, huyện Sơn Hà	1		55,0		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường MN Sơn Thượng						
-	Điểm trường Làng Nưa	1	943,0	68,0	68,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Sơn Thượng						
-	Trường TH Sơn Thượng Phòng học Nước Tắm	1	233,9	36,0	36,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH Sơn Thượng Phòng học Gò Hoạch	1	468,2	36,0	36,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm việc trạm khuyến nông cũ (TDP Nước Bung, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà)	1	83,0	83,0	83,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
14	XÃ SƠN THỦY	6	6.016,10	623,00	616,00		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trường TH&THCS Sơn Trung, Điểm trường Làng Trùm	1	390,00	116,00	116,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH&THCS Sơn Trung, Điểm trường Xóm Suối	1	980,10	116,00	116,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH&THCS Sơn Hải, Điểm trường Thôn Làng Lành	1	1.650,00	84,00	84,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH&THCS Sơn Thủy, Điểm trường Tà Com, tại thôn Tà Com, xã Sơn Thủy	1	820,70	57,00	57,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH&THCS Sơn Thủy, Điểm trường Làng Phở, tại thôn tà Bi, xã Sơn Thủy	1	675,30	64,00	57,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH&THCS Sơn Thủy, Điểm trường Tà Bàn, tại thôn tà Bàn, xã Sơn Thủy	1	1.500,00	186,00	186,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
15	XÃ SƠN KỲ	18	17.567,14	2.427,84	1.818,84		
-	Trụ Sở UBND xã Sơn Ba (cũ)	1	6.487,6	443,0	443,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường PTDTBTTH Sơn Ba						
-	Điểm Tà Gầm-Thôn Làng Ranh -Xã Sơn Kỳ	1	104,0	104,0	104,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất điểm trường thôn Làng Bung -xã Sơn Kỳ	1	720,0	720,0	111,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Mò O- Thôn Mò O - Sơn Kỳ- Quảng Ngãi:	1	1.000,0	216,0	216,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm Gò Da/1 phòng học	1	3.540,8	42,0	42,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm Di Hoãn/01 phòng học	1	175,3	-		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trường Mẫu Giáo Sơn Ba						
	Điểm trường Mò O- Thôn Mò O - Sơn Kỳ- Quảng Ngãi:	1	579,4	50,0	50,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Làng Bung- Thôn Làng Bung- Sơn Kỳ- Quảng Ngãi:	1	185,5	50,0	50,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm Trường Di Hoảng- Thôn Di Hoảng- Sơn Kỳ- Quảng Ngãi:	1	372,7	50,0	50,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm Trường Làng Chai- Thôn Làng Gia- Sơn Kỳ- Quảng Ngãi:	1	750,0	50,0	50,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm Non Sơn Kỳ						
	Điểm trường Làng Dọc Thôn Bò Nung, Sơn Kỳ	1	56,3	56,3	56,3	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Tà Gầm Thôn Tà Gầm, Sơn Kỳ	1	56,3	56,3	56,3	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm Trường Làng Rê thôn Làng Rê, xã Sơn Kỳ	1	79,0	79,0	79,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Làng Riêng/Dãy 1 phòng học	1	56,3	56,3	56,3	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường tiểu học Sơn Kỳ						
	Điểm trường Gò Sim-Thôn Tà Gầm, xã Sơn Kỳ	1	1.435,0	115,0	115,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Làng Dọc-Thôn Bò Nung, xã Sơn Kỳ	1	982,0	153,0	153,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Rờ Ma-Thôn Bò Nung, xã Sơn Kỳ	1	467,0	72,0	72,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Làng Rét-Thôn Bò Nung, xã Sơn Kỳ	1	520,0	115,0	115,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
16	XÃ BA VÌ	12	9.461,10	1.411,99	1.411,99		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trụ sở UBND xã Ba Ngạc cũ	1	2.388,40	546,56	546,56	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đất điểm trường thôn Nước Lầy	1	462,10	71,00	71,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đất điểm trường thôn Ba Lăng	1	677,10	71,00	71,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường thôn Nước Tĩa	1	550,60	71,00	71,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường thôn Mang Biều	1	431,80	71,00	71,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường thôn Làng Trui	1	1.089,10	74,00	74,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm Trường thôn Nước Lầy	1	780,00	78,00	78,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường thôn Blăng	1	574,00	76,23	76,23	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường thôn Amré	1	1.443,00	124,00	124,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường thôn Krên	1	276,00	78,00	78,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường thôn Tà Noát	1	602,60	76,00	76,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đất điểm trường thôn Nước Xuyên	1	186,40	75,20	75,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
17	XÃ BA DINH	12	20.718,50	967,76	967,76		
-	Đất (Trụ sở làm việc Nước Lô)	1	2.141			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà cấp IV (Nhà làm việc khối đoàn thể)			126	126		
-	Nhà cấp IV (Nhà làm việc Công an xã (thuộc UBND xã Ba Giang cũ));			66	66		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Đất (điểm trường Kách Lang (Làng Măng) cũ)	1	440,20			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà cấp IV			56	56		
-	Đất (điểm trường thôn Kà La (Nước Tiên) cũ)	1	351,80			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà cấp IV			75,2	75,2		
-	Đất nhà lớp học tại thôn Nước Lang	1	604,20			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà cấp IV			35	35		
-	Đất (nhà lớp học tại thôn Ba Nhà – Gò Xuyên) không còn TS trên đất	1	500,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đất(nhà lớp học tại thôn Ba Nhà – Gò Lút) không còn TS trên đất	1	500,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đất (nhà lớp học tại thôn Gò Khôn) không còn TS trên đất	1	720,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Khu đất dự phòng (thuộc Trung tâm Hành chính xã Ba Giang)	1	8.925,3			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đất (điểm trường thôn Kách Lang)	1	567			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà cấp IV			66,56	66,56		
-	Đất (điểm thôn Nước Lô cũ- Trường Mần non Ba Giang)	1	1.645			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà lớp học 1 phòng Nước Lô			71	71		
-	Nhà lớp học 2 phòng			209	209		
-	Nhà bếp ăn			42	42		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Đất thôn Nước Lô (điểm cũ) của Trường PTDTBT TH&THCS Ba Giang	1	3.700			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà lớp học 12 phòng, kiên cố (điểm cũ)			111	111		
-	Đất	1	624,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường thôn Ba Nhà (Trường PTDTBT TH&THCS Ba Giang)			110	110		
18	XÃ BA TƠ	17	22.737,40	9.151,15	9.259,95		
-	Nhà làm việc Phòng Nội vụ	1	766,70	100,00	100,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà công vụ			168,22	168,22	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà làm việc (tài chính củ)			442,20	442,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà làm việc UBND xã Ba Chùa	1	3.083,60	797,60	797,60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà làm việc UBND thị trấn	1	780,00	598,00	598,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà lớp học 1 (1 tầng 2 phòng)			75,60	75,60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà vệ sinh học sinh (điểm Đá Bàn)			14,00	14,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà lớp học 2 (1 tầng 2 phòng)			75,85	75,85	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà để xe	1	4.229,60	130,00	130,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà làm việc thị trấn Ba Tơ			1.040,00	1.040,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm Trường thôn Làng Mâm	1	631,00	631,00	631,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Nhà ở làm việc UBND xã Ba Bích	1	3.893,00	726,00	726,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm Trường Đồng Dâu	1	172,00	172,00	172,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đất công trình sự nghiệp - Điểm trường thôn Gò Rét	1	308,70	308,70	308,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đất công trình sự nghiệp - Điểm thôn Làng Giấy	1	793,90	793,90	793,90	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm việc UBND xã Ba Cung	1	1.121,00	704,84	704,84	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà làm việc (cũ) Đội QLĐT&CCTCC huyện Ba Tơ	1	399,30	100,84	100,84	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà làm việc (mới) Đội QLĐT&CCTCC huyện Ba Tơ	1	223,60	108,80	217,60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đất công trình sự nghiệp - nhà BVTV	1	460,00	140,00	140,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà làm việc - PGD	1	2.626,00	60,00	60,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-				856,00	856,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-		1	2.185,70	289,60	289,60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà đội chiếu bóng	1	283,30	220,00	220,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
-	Nhà làm việc UBND thị trấn Ba Tơ (Đường Phạm Văn Đồng, xã Ba Tơ)	1	780,00	598,00	598,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH TĂNG SỐ LƯỢNG
19	XÃ BA VINH	6	5.657,00	749,20	1.102,20		
-	Công trình sự nghiệp - Điểm trường thôn Nước Nè: Nhà lớp học 3 phòng (có 2 phòng học, 1 phòng chờ)	1	2.037,0	112,0	112,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Công trình sự nghiệp - Điểm trường thôn Nước Lá: Nhà lớp học 4 phòng	1	719,0	136,0	112,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Công trình sự nghiệp - Điểm trường thôn Phân Vinh	1	352,0	48,0	48,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Công trình sự nghiệp - Trường Mầm non Ba Vinh, Thôn Làng Huy (Điểm trường thôn Nước Gia cũ), xã Ba Vinh, tỉnh Quảng Ngãi	1	347,0	75,2	75,2	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Công trình sự nghiệp - Trường Mầm non Ba Vinh, Thôn Ba Sơn (Điểm trường thôn Nước Nẻ cũ), xã Ba Vinh, tỉnh Quảng Ngãi	1	289,0			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm việc UBND xã Ba Điện cũ	1	1.913,0	378,0	755,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
20	XÃ BA ĐỘNG	9	17.023,00	312,50	625,00		
-	Đất công trình sự nghiệp - Điểm trường thôn Trường An	1	568,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đất công trình sự nghiệp - Điểm trường thôn Hóc Kè	1	335,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Xã Ba Thành Cũ						
-	Đất công trình sự nghiệp - Đất	1	5.588			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường TH thôn Làng						
-	Đất công trình sự nghiệp - Đất	1	457			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường TH thôn Huy Ba						
-	Đất công trình sự nghiệp - Đất	1	495			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường thôn Huy Ba 1 xã						
-	Đất công trình sự nghiệp - Đất	1	396			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường thôn Huy Ba 2 xã						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Đất công trình sự nghiệp - Đất Điểm trường thôn Hóc Kè xã	1	246			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất công trình sự nghiệp - Đất Điểm trường thôn Đèo Lâm xã	1	420			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Xã Ba Liên cũ						
-	Trụ sở làm việc - Thôn Đá Chát	1	8.518,00	312,50	625,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
21	XÃ ĐẶNG THUY TRÂM	9	8.999,10	1.066,44	1.273,44		
-	Trụ sở làm việc UBND xã Ba Khâm (cũ)	1	2.048,40	547,84	754,84	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Công trình sự nghiệp - Trường PTDTBT TH&THCS Ba Trang -Tổ Kon Riêng	1	312,40	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Công trình sự nghiệp - Trường Mầm non Ba Trang -Tổ Gò Già	1	472,50	75,20	75,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Công trình sự nghiệp - Trường Mầm non Ba Trang -Tổ Kon Riêng	1	617,00	75,20	75,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Công trình sự nghiệp - Trường Mầm non Ba Trang -Tổ Tà Lụi	1	890,00	75,20	75,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Công trình sự nghiệp - Đất điểm trường thôn Đồng Răm 1 (cũ)	1	1.000,00	82,00	82,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Công trình sự nghiệp - Đất điểm trường thôn Đồng Răm 2 (cũ)	1	2.740,50	74,00	74,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Công trình sự nghiệp - Đất điểm trường thôn Nước Giáp	1	420,00	77,00	77,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Công trình sự nghiệp - Trường TH&THCS Ba Khâm - Điểm trường thôn Nước Giáp	1	498,30	60,00	60,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
22	XÃ BÌNH MINH	8	11.770,00	1.428,86	1.700,91		
-	Trụ sở UBND xã Bình An cũ	1	2.255	728	1.000	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Bình Minh						
	Điểm trường Cây Trâm	1	607,00	72,00	72,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường Chợ Gò	1	570,00	48,00	48,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường Bá Lãng	1	221,00	49,41	49,41	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường Đức An	1	725,00	48,00	48,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường Lộc Thanh	1	317,00	48,00	48,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường Xóm Làng- Lộc Thanh	1	165,00	65,70	65,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường TH & THCS Bình Khương						
	Điểm trường thôn Phước An	1	6.910,00	369,75	369,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
23	XÃ BÌNH CHUÔNG	10	17.847,00	1.762,85	1.572,89		
-	Trụ sở UBND xã Bình Mỹ	1	9.517,00	359,09	718,18	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Hội trường UBND xã Bình Mỹ			350,00	654,00		
	Nhà làm việc BCH quân sự xã			100,00	127,71		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	01 Phòng học điểm trường thôn An Phong xã Bình Mỹ	1	177,00	73,00	73,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường TH và THCS xã Bình Chương						
-	Điểm trường thôn Nam thuận	1	1.774,00	504,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
-	Điểm trường An điền 2 (Đồng Lớn)	1	500,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu Giáo Bình Chương						
-	Điểm trường Thôn An điền 1 (cây cày)	1	506,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
-	Trường Tiểu học Bình Mỹ	1	3.200,00	169,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường Thôn Phước tích						
	01 nhà vệ sinh học sinh trường tiểu học Thôn Phước tích			15,00			
	Dãy phòng học tiểu học Thôn Phước tích			154,00			
	Trường Mầm non Bình Mỹ						
-	Điểm trường xóm Đông Thạnh Thôn Phước Tích	1	227,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
-	Điểm trường xóm 4 Thôn Thạch An -	1	177,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu Giáo Bình Chương						
-	Điểm trường Thôn An điền 2	1	1.587,00	50		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Bình Mỹ						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Điểm trường xóm 1 Thạch An - Trường MN Bình Mỹ	1	182,00	38,76		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
24	XÃ BÌNH SƠN	8	11.775,00	1.196,00	1.460,00		
-	UBND xã Bình Thạnh cũ						
	Nhà làm việc	1	8.016,00	700,00	1.400,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà làm việc xã đội Bình Thạnh			60,00	60,00		
	Điểm trường thôn Vĩnh An	1	467,00	145,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường thôn Đông An	1	498,00	63,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường thôn Phước An	1	720,00	40,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường mẫu giáo Bình Nguyên						
	Điểm trường xóm 10 thôn Châu Tử	1	363,00	47,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường xóm 13 thôn Châu Tử	1	508,00	66,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường thôn Nam Bình 1	1	862,00	33,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường thôn Nam Bình 1	1	341,00	42,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
25	XÃ VẠN TƯỜNG	20	43.027,40	6.389,87	6.165,17		
	UBND xã Bình Thuận cũ						
	Điểm trường Đông Trung Minh (thuộc Trường Mầm non Bình Phước)	1	416,00	31,67	31,67	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường Hóc Mua (thuộc Trường Mầm non Bình Phước)	1	213,00	31,90	31,90	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường Phước Đồng (thuộc Trường Mầm non Bình Phước)	1	359,00	46,40	46,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trụ sở UBND xã Bình Hải (cũ)	1	1.595,00	400,00	400,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường thôn Long Bình	1	528,00	141,00	141,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường thôn Lộc Tự	1	506,00	72,00	72,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường thôn An Lộc (Xóm Bắc)	1	1.575,00	334,00	334,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường thôn Thanh Thủy (Thuộc Trường Tiểu học số 1 Bình Hải)	1	1.737,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường THCS Bình Hải (Xóm Hải Chánh, thôn Vạn Tường)	1	7.904,00	948,00	948,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường thôn Tân Hy (Thuộc Trường Mầm non Bình Đông)	1	772,60	273,00	273,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường thôn Sơn Trà (Thuộc Trường Mầm non Bình Đông)	1	1.010,40	315,90	315,90	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mầm non Bình Hải						
	Điểm trường thôn Vạn Tường	1	525,00	114,00	114,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường thôn Thanh Thủy	1	885,20	114,00	114,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường An Cường	1	100,00	58,50	58,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mầm non Bình Trị						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường thôn Lê Thuỷ	1	1.107,00	236,40		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Nhà làm việc UBND xã Bình Đông cũ	1	3.220,00	1.204,80	3.284,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học Bình Đông						
	Điểm trường thôn Thượng Hoà	1	11.135,00	351,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường thôn Tân Hy	1	5.600,00	1.159,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Đất điểm trường thôn Sơn Trà	1	3.056,00	359,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học Bình Thuận						
	Điểm trường thôn Tuyết Diêm 1	1	783,20	199,30		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
26	XÃ ĐÔNG SƠN	21	22.990,80	3.679,00	2.837,00		
-	Trụ sở UBND xã Bình Thanh cơ sở 2 (Bình Thanh Đông cũ)	1	3.216,00	283,00	566,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Hội trường UBND xã Tịnh Hòa	1	2.257,00	583,00	583,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Hợp tác xã nông nghiệp Hòa Đông, xã Tịnh Hòa	1	999,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà làm việc đội thuế xã Tịnh Hòa cũ	1				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đất cơ sở y tế xã Bình Thanh Đông cũ	1	2.000,00				BỔ SUNG

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Điểm trường Cánh Sa Kỳ (thôn Định Tân) (thuộc Trường Tiểu học số 2 Bình Châu)	1	450,00	128,00	128,00		BỔ SUNG
	Trụ sở làm việc mới (UBND xã Bình Hiệp cũ)	1	2.769,00	1.095,00	1.445,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Nhà làm việc BCH quân sự xã (UBND xã Bình Hiệp - cũ)			115,00	115,00		
	Hội trường cũ						
	Hội trường mới						
	Điểm trường mẫu giáo thôn An Hải	1	1.141,00	140,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường mẫu giáo thôn thôn Tân Đức	1	127,00	60,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường mẫu giáo thôn Phú Quý	1	117,00	60,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường mẫu giáo Trạm xá (thuộc Trường Mầm non Bình Hiệp cũ)	1	511,10	185,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường mẫu giáo thôn Liên Trì (thuộc Trường Mầm non Bình Hiệp cũ)	1	924,00	48,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường mẫu giáo thôn Xuân Yên (thuộc Trường Mầm non Bình Hiệp cũ)	1	742,00	48,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường mẫu giáo cơ sở 1 (xóm 5, thôn Phước Hòa)	1	836,00	58,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường mẫu giáo cơ sở 2 (xóm 4, thôn An Quang)	1	892,00	58,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường mẫu giáo cơ sở 3 (xóm 2, thôn An Quang)	1	983,00	58,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường mẫu giáo cơ sở 4 (xóm 2, thôn Thạnh Thiện)	1	654,70	58,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường mẫu giáo cơ sở 5 (xóm 3, thôn Phước Hòa)	1	900,00	58,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Tịnh Hòa						
	Cơ sở thôn Minh Quang	1	692,00	130,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Cơ sở thôn Xuân An	1	525,00	130,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường tiểu học thôn Liêm Quang (Bình Tân Phú cũ)	1	2.255,00	384,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
27	XÃ TRƯỜNG GIANG	4	2.232,80	275,00	275,00		
-	Đội thuế xã Tịnh Giang cũ	1	60,00	60,00	60,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non xã Tịnh Minh/thôn Minh Long	1	1.005,20	215,00	215,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đội thuế xã Tịnh Đông cũ	1	184,60			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường TH Tịnh Đông phân hiệu Tân Phước	1	983,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
28	XÃ BA GIA	1	3.252,40	-	-		
-	Đất trường Mẫu giáo (cũ) và khu đất nội trú giáo viên trường THPT Ba Gia (cũ) thôn Minh Mỹ	1	3.252			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
29	XÃ SƠN TỊNH	5	18.467,00	3.766,60	5.632,70		
-	Ủy ban nhân dân thị trấn Tịnh Hà cũ	1	3.343	1.199	1.026	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Ủy ban nhân dân xã Tịnh Bình cũ	1	11.413	1.049	550	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao huyện Sơn Tịnh cũ	1	2.663	1.269	3.807	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện (Trạm trồng trọt và BVTV)/ Số 870, Võ Nguyên Giáp, xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi	1	632	100	100	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện (Trạm chăn nuôi và thú y)/ Số 868, Võ Nguyên Giáp, xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi	1	416	150	150	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
30	XÃ THỌ PHONG	1	51,30	51,30	51,30		
-	Trụ sở Đội thuế xã - xóm 4 thôn Thọ Nam, xã Tịnh Thọ (cũ)	1	51	51	51	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
31	XÃ TƯ NGHĨA	12	32.066,10	4.471,84	6.797,86		
*	UBND xã Tư Nghĩa	1	2.050,00	584,12	787,52		
-	Trụ sở làm việc UBND xã Nghĩa Thương (cũ)	1	2.050,00	584,12	787,52	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
*	Đơn vị sự nghiệp	11	30.016,10	3.887,72	6.010,34		
-	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp (cũ)						
	Nhà làm việc Trạm khuyến nông	1	796	151	281	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Nhà làm việc trạm Chăn nuôi - Thú y	1	294	112	112	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	UBND thị trấn La Hà (cũ)						
	Cửa hàng ngoại thương	1	1.319	100	100	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà làm việc Công ty dầu thực vật	1	3.034	Không có hồ sơ		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	UBND xã Nghĩa Hòa (cũ)						
	Phía Nam HTX NN Đông Hòa (Trường mẫu giáo Thu Xà cũ)	1	1.154	100	100	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường mầm non Hòa Phú (cũ)	1	328	97	97	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học và THCS thị trấn La Hà						
	Trường TH Thị trấn La Hà, Thị trấn La Hà (Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề Tư Nghĩa cũ)	1	8.757	1.572	2.217	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường THCS TT La Hà, Tổ dân phố 2, Thị trấn La Hà (cũ)	1	10.445	1.024	2.371	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Tiểu học Châu Phú Điền cũ, xóm 6 thôn La Châu	1	2.882,70	315,00	315,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
-	Trường MN Nghĩa Hoà						
	Điểm thôn Hoà Tân	1	810,40	302,00	302,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trạm trông trọt và Bảo vệ thực vật	1	195,00	116,40	116,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
32	XÃ VỆ GIANG	32	25.155,00	2.425,96	2.169,36		
	Cơ quan hành chính	3	4.951	879	879		
-	Trụ sở UBND xã Nghĩa Mỹ	1	2.704	318	318	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà làm việc xã đội cũ	1	343	105	105	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở UBND xã Nghĩa Hiệp	1	1.904	456	456	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đơn vị sự nghiệp	29	20.203,90	1.546,56	1.289,96		
-	Đội thuế xã	1	97	47	47	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Mẫu giáo ở KDC số 4, TDP Sông Vệ	1	70			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Mẫu giáo ở KDC số 5, TDP An Bàng	1	112			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Mẫu giáo ở KDC số 6, TDP An Bàng	1	139			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Mẫu giáo ở KDC số 7, TDP Vạn Mỹ	1	186			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mẫu giáo đội 3, TDP Mỹ Hòa	1	408	44		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trường Mẫu giáo đội 4, TDP Phú Mỹ	1	408	44		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mẫu giáo đội 9, Thôn Bách Mỹ	1	992	120		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mẫu giáo đội 6, TDP Năng Tây 2	1	802			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học đội 8, thôn An Đại 2	1	184			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mẫu giáo đội 11, thôn An Đại 3	1	198			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mẫu giáo đội 10, thôn An Đại 3	1	96			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mẫu giáo đội 5, TDP Năng Tây 2	1	72			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mẫu giáo đội 1, thôn An Đại 1	1	605			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Lớp Mẫu giáo cũ, đội 10, thôn Thế Bình	1	605			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Mầm non Nghĩa Hiệp, đội 3, thôn Năng Xã	1	816	48		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Điểm trường thôn Bách Mỹ	1	4.334			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Nghĩa Hiệp						
	Đất điểm lẻ Năng Đông	1	1.450,1			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Nghĩa Mỹ						
	Nhà số 1 Phú Mỹ	1	1.846,6	721,5	721,5	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà số 2 Bách Mỹ	1	828,0	113,5	113,5	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà số 3 Mỹ Hòa	1	945,0	221,0	221,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Tiểu học Nghĩa Mỹ						
	Điểm lẻ/ Thôn Bách Mỹ	1	1.569,6	187,0	187,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trạm y tế thôn Hải Môn	1	725,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
-	Trường Mầm non đội 5 thôn Năng xã (Trường Tiểu học Tây Hiệp)	1	576,70			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
-	Trường Mầm non đội 6, thôn Phú Mỹ	1	836,30			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
-	Trường Mẫu giáo Bách Mỹ	1	467,50			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
-	Trường Mẫu giáo đội 2, thôn Mỹ Hòa	1	376,40			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Lớp Mẫu giáo An Sơn, Nghĩa Phương	1	343,80			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
-	Đội thuế xã Nghĩa Phương	1	113,90			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
33	XÃ NGHĨA GIANG	20	26.095,80	3.022,00	3.987,00		
	Cơ quan hành chính	1	5.304,00	1.240,00	1.760,00		
-	Trụ sở làm việc UBND xã Nghĩa Thuận (cũ)	1	5.304,00	1.240,00	1.760,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đơn vị sự nghiệp	19	20.791,80	1.782,00	2.227,00		
-	Trường mẫu giáo thôn Xuân Phở Tây	1	139	80		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường mẫu giáo thôn An Hội Bắc 3	1	186	80		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường mẫu giáo thôn An Hội Nam 1 (điểm 1)	1	408	80		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường mẫu giáo thôn An Hội Nam 1 (điểm 2)	1	408	80		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường mẫu giáo thôn An Bình (điểm 1)	1	992	80		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường mẫu giáo thôn An Bình (điểm 2)	1	802	80		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường mẫu giáo thôn AHB1 (điểm số 1)	1	657	80		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Điểm trường mẫu giáo thôn AHB1 (điểm số 2)	1	665	80		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường mẫu giáo thôn Phú Sơn (điểm 1)	1	2.810	80		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH Nghĩa Kỳ Bắc, XPT Nghĩa Kỳ	1	2.272	268	536	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường mầm non thôn Nam Phước cũ	1	858			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường mầm non thôn Phú Thuận cũ	1	6.094			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH Nghĩa Điền, thôn Điền An	1	2.377	256	512	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Nghĩa Điền cơ sở 3 (Điểm trường Thôn Điền Long)	1	983,0	250,0	250,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường mẫu giáo thôn An Hội Nam 2	1	169,3	80,0	929,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường mẫu giáo thôn Phú Sơn (điểm 1)	1	171,0	80,0		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường mẫu giáo thôn Xuân Phổ Tây (điểm 1)	1	196,80			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
-	Trường mẫu giáo Xuân Phổ Tây (điểm 3)	1	390,60	64,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
-	Trường mẫu giáo Xuân Phổ Đông	1	212,60	64,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
34	XÃ TRÀ GIANG	4	5.191,70	605,00	929,00		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Cơ quan hành chính	1	3.310,00	324,00	648,00		
-	Trụ sở làm việc UBND xã Nghĩa Thọ (cũ)	1	3.310,00	162,00	324,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Hội trường UBND xã Nghĩa Thọ (cũ)			162,00	324,00		
	Đơn vị sự nghiệp	3	1.881,70	281,00	281,00		
-	Đội thuế xã Nghĩa Lâm (cũ)	1	128,00	46,00	46,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đội thuế xã Nghĩa Thắng(cũ)	1	108,00	47,00	47,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường MN Nghĩa Thắng/ Điểm An Hòa Bắc	1	1.645,70	188,00	188,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
35	XÃ NGHĨA HÀNH	9	9.940,20	1.243,60	1.569,50		
	Trụ sở làm việc UBND xã Hành Trung (cũ)	1	2205	621,9	621,9	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất Chi cục thuế cũ (ĐC: 503-Phạm Văn Đồng-Nghĩa Hành)	1	1.500,0			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất Nhà làm việc UBND thị trấn Chợ Chùa (cũ)	1	1.480,00	325,90	651,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất Nhà làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TTCC (cũ)	1	185,80	185,80	185,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm mần non đội 6, thị trấn Chợ Chùa (cũ)	1	465,30	30,00	30,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm mần non đội 7, thị trấn Chợ Chùa (cũ)	1	669,90			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm mần non đội 8, thị trấn Chợ Chùa (cũ)	1	1.990,00	30,00	30,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm mần non đội 9, thị trấn Chợ Chùa (cũ)	1	932,40	25,00	25,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm mần non đội 14, thị trấn Chợ Chùa (cũ)	1	511,80	25,00	25,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
36	XÃ ĐÌNH CUÔNG	23	19.493,50	2.055,70	808,70		
-	Trường Mầm non Hành Phước cũ						
	Điểm trường mẫu giáo Đội 1 thôn An Chỉ Tây, xã Hành Phước	1	429,00	38,30	38,30	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo Đội 5 thôn Đề An, xã Hành Phước	1	831,00	40,00	40,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo Đội 7 thôn Đề An, xã Hành Phước	1	302,00	41,80	41,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo Đội 4 thôn An Chỉ Đông, xã Hành Phước	1	707,00	40,00	40,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo Đội 16 thôn Hòa Sơn, xã Hành Phước	1	562,00	52,60	52,60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường mẫu giáo Đội 14 thôn Hòa Thọ, xã Hành Phước	1	299,70	65,70	65,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo Đội 17 thôn Vinh Thọ, xã Hành Phước	1	332,00	33,50	33,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo thôn Hòa Mỹ, Trường Mầm non Hành Phước	1	407,00	65,80	65,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo thôn Thuận Hòa, xã Hành Phước	1	308,30	40,00	40,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Hành Thịnh cũ						
	Điểm trường mẫu giáo thôn Xuân Hòa, xã Hành Thịnh	1	2.275,00	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo thôn Thuận Hòa, xã Hành Thịnh	1	470,00	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo thôn Xuân Đình, xã Hành Thịnh	1	820,00	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo thôn An Ba 1, xã Hành Thịnh	1	658,00	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo thôn An Ba 2, xã Hành Thịnh	1	690,00	45,00	45,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo thôn Châu Me, xã Hành Thịnh	1	750,00	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường mẫu giáo thôn Đồng Xuân, xã Hành Thịnh	1	520,00	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo thôn Mỹ Hưng, xã Hành Thịnh	1	870,00	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo thôn Châu Mỹ, xã Hành Thịnh	1	2.000,00	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường mẫu giáo thôn Hòa Huân, xã Hành Thịnh	1	920,00	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Hành Đức cũ						
	Điểm trường thôn Phú Châu, xã Hành Đức	1	1.170,70	100,00	100,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Kỳ Thọ Nam 2, xã Hành Đức	1	621,80	100,00	100,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học số 2 Hành Phước cũ						
	Điểm trường thôn Hòa Vinh, xã Hành Phước	1	600,00	146,00	146,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên huyện Nghĩa Hành (cũ)	1	2.950,00	1.247,00	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
37	XÃ THIÊN TÍN	8	5.152,10	1.297,50	1.297,50		
-	Đội thuế xã Hành Tín Tây	1	89,00	45,50	45,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Điểm trường thôn mẫu giáo thôn Phú Khương (2), xã Hành Tín Tây	1	1.160,60	115,00	115,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Mẫu giáo thôn Phú Lâm Đông	1	446,50	65,00	65,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường Mầm non Gò tre, thôn Ngọc Sơn	1	1.213,00	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường Thiên Xuân	1	393,50	88,00	88,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường Mầm non liên thôn Nhơn Lộc 1 và Nhơn Lộc 2	1	692,00	204,00	204,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm Trường Tiểu học thôn Phú Khương	1	1.157,50	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường mầm non Hành Tín Tây						
	Điểm thôn Đồng Miếu	1	2894,7	780,00	780,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
38	XÃ PHƯỚC GIANG	8	10.546,70	835,30	835,30		
-	Trụ sở đội thuế xã Hành Nhân	1	104	45,5	45,5	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non thôn An Phước	1	1.009	130,0	130,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non thôn An Định	1	700	82,8	82,8	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học thôn Kim Thành	1	1.440	140,0	140,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trường Tiểu học thôn An Định	1	1.828	192,0	192,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường mầm non thôn Trung Mỹ	1	2.902	185	185	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Tiểu học thôn Đông Trúc Lâm	1	1.824	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường mầm non thôn Long Bàn Nam	1	739,8	60	60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
39	XÃ LONG PHỤNG	22	13.607,70	1.980,38	2.384,38		
-	Trụ sở HTX NN Đức Hiệp (cũ)	1	173,30	20,00	20,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Đức Hiệp						
	Điểm trường MGBC thôn Nghĩa Lập	1	440,80	54,00	54,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường MGBC thôn Phước Sơn	1	261,80	45,00	45,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Đức Nhuận						
	Trường MN Đức Nhuận thôn 1	1	248,30	35,00	35,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường MN Đức Nhuận thôn 2	1	296,30	44,00	44,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường MGBC Đức Nhuận thôn 2	1	360,80	45,00	45,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường MGBC Đức Nhuận thôn 3	1	91,00	45,00	45,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường MGBC Đức Nhuận thôn 4	1	142,00	49,00	49,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trường MG Đức Nhuận thôn 5 (vị trí 1)	1	515,70			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường MG Đức Nhuận thôn 5 (vị trí 2)	1	92,90			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường MG Đức Nhuận thôn 5 (vị trí 3)	1	153,50			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường MG Đức Nhuận thôn 6 (vị trí 1)	1	1.853,70	41,00	41,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường MG Đức Nhuận thôn 6 (vị trí 2)	1	495,10	42,50	42,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường MG Đức Nhuận thôn 6 (vị trí 3)	1	712,90	145,00	145,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường MG Đức Nhuận thôn 7	1	584,00	51,70	51,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Đức Thắng						
	Trường MGBC Đức Thắng, thôn Dương Quang	1	1.604,00	265,18	265,18	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường MGBC Đức Thắng, thôn Gia Hòa	1	1.010,60	140,00	140,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Đức Lợi						
	Điểm trường thôn An Mô	1	303,00	100,00	100,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Đức Lợi						
	Điểm trường thôn An Mô	1	1.130,00	346,00	692,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường tiểu học Đức Hiệp						
	Điểm trường thôn Nghĩa Lập	1	2.336,00	382,00	440,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Đức Hiệp						
	Điểm trường MGBC thôn Phú An	1	675,00	130,00	130,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Nhà làm việc đội thuế thôn Chú Trọng	1	127,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
40	XÃ MỎ CÀY	22	19.771,98	1.916,90	1.916,90		
-	Trường Mầm non Đức Chánh						
	Điểm trường xóm 7, thôn 3	1	386,00	45,00	45,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường xóm 9, thôn 6	1	324,50	43,00	43,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường xóm 11, thôn 6	1	93,30	40,00	40,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường xóm 8, thôn 3	1	117,98	40,00	40,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường xóm 3, thôn 1	1	288,90	35,00	35,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường xóm 4, thôn 2	1	370,00	50,00	50,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường xóm 2, thôn 1	1	169,00	45,00	45,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường xóm 5, thôn 2 (vị trí 2)	1	433,00	40,00	40,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường xóm 2, thôn 1 (vị trí 2)	1	454,50	35,00	35,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Đức Thạnh						
	Cơ sở Phú Bình, thôn Lương Nông Bắc	1	288,00	63,90	63,90	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Cơ sở Đông Lý, thôn Lương Nông Bắc	1	484,00	36,90	36,90	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Cơ sở Lương Lâm, thôn Lương Nông Nam	1	148,00	41,20	41,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Cơ sở Xóm Mít, thôn Lương Nông Nam	1	512,00	38,40	38,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Cơ sở Đôn Lương, thôn Đôn Lương	1	884,00	103,30	103,30	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Đức Minh						
	Trường Mẫu giáo Đạm Thủy Nam	1	524,40	35,00	35,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường MG Minh Tân Bắc	1	273,20	46,00	46,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Đức Minh (Điểm trường thôn Minh Tân Bắc)	1	2.782,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Đức Thạnh (Điểm trường thôn Lương Nông Bắc)	1	2.995,00	494,00	494,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường THCS Đức Chánh (Điểm trường cũ tại KDC số 43, thôn 6)	1	7.920,00	544,00	544,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà làm việc Hội Đông y	1	85,20	85,20	85,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đội thuế Đức Minh	1	120,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Đội thuế Đức Chánh	1	119,00	56,00	56,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
41	XÃ MỘ ĐỨC	44	56.252,62	8.049,10	9.365,00		
-	Trụ sở làm việc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mộ Đức cũ (Thôn Đồng Cát)	1	710,30	422,40	728,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm việc Các Hội xã hội huyện Mộ Đức cũ (thôn 4)	1	2.197,10	336,00	386,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm việc Hội chữ thập đỏ huyện Mộ Đức (thôn Vĩnh Phú)	1	222,50	222,50	222,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trụ sở làm việc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Mộ Đức (Trụ sở Chi cục thuế cũ) (thôn Đồng Cát)	1	880,00	380,40	808,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở UBND xã Đức Phú cũ (thôn Phước Thuận)	1	5.192,90	660,00	897,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở UBND xã Đức Hòa cũ (thôn Phước Mỹ)	1	4.543,00	848,00	1.094,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở UBND xã Đức Tân cũ (thôn 2)	1	1.830,20	269,50	539,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà làm việc Công an Thị trấn Mộ Đức cũ (thôn Vĩnh Phú)	1	2.250,00	97,50	195,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trung tâm Dân số- KHHGD huyện	1	240,00	113,80	113,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trụ sở làm việc : Cơ Sở 2 Trường Tiểu học Đức Phú (Thôn Phước Vĩnh - Xã Mộ Đức)	1	8.882,00	512,00	704,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trụ sở làm việc : Cơ Sở 2 Trường Tiểu học Đức Hòa (Thôn Phước Xã, xã Mộ Đức)	1	5.915,00	776,00	576,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Tiểu học Đức Tân cũ (Thôn 4, xã Mộ Đức)	1	4.340,00	1.528,2	2468,5	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Tiểu học Đức Tân, (KDC 18, thôn 7, xã Đức Tân, huyện Mộ Đức cũ)	1	980,00	70,56	70,56	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Tiểu học Đức Tân (KDC 6, thôn 1, xã Đức Tân, Mộ Đức cũ)	1	4,62	593,44	1035,44	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trường MGBC thôn Phước Luông (Trường MN Đức Hòa)	1	1.447,90	56,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường MGBC thôn Phước Toàn (Trường MN Đức Hòa)	1	403,60	84,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường MGBC thôn Phước Điền (Trường MN Đức Hòa)	1	798,70			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường MGBC thôn Phước Tây (Trường MN Đức Hòa)	1	146,40	42,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường MGBC thôn Phước Chánh (Trường MN Đức Hòa)	1	305,40	42,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường MGBC thôn Phước Xã (Trường MN Đức Hòa)	1	605,90	48,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường MGBC thôn Phước Mỹ (Trường MN Đức Hòa)	1	364,80	48,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường MGBC thôn Phước Hiệp (Trường MN Đức Hòa)	1	662,90	105,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường MGBC thôn Phước An (Trường MN Đức Hòa)	1	863,40	56,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trạm Vi ba Núi Cối, xã Đức Phú (Thôn Phước Lộc, xã Đức Phú cũ)	1	600,00	71,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường Đội 1, thôn 1 (Trường MN Đức Tân)	1	152,40	48,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường Đội 2, thôn 1 (Trường MN Đức Tân)	1	210,40	48,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường Đội 3, thôn 1 (Trường MN Đức Tân)	1	164,40	48,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường Đội 4, thôn 1 (Trường MN Đức Tân)	1	152,40	48,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường thôn 2 (Trường MN Đức Tân)	1	247,40	48,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường thôn 3 (Trường MN Đức Tân)	1	210,00	54,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường Cơ sở 1 thôn 7 (Trường MN Đức Tân)	1	93,60	48,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường Cơ sở 2 thôn 7 (Trường MN Đức Tân)	1	305,00	48,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu giáo KDC số 6, TDP 2 (KDC số 6, Thôn Vĩnh Phú, xã Mộ Đức) -Trường MN Mộ Đức)	1	148,70	70,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu giáo vị trí 2 tại KDC số 8, TDP 2 (KDC số 8, Thôn Vĩnh Phú, xã Mộ Đức) - Trường MN Mộ Đức)	1	68,60			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu giáo vị trí 1 tại KDC số 8, TDP 2 (KDC số 8, Thôn Vĩnh Phú, xã Mộ Đức) - Trường MN Mộ Đức)	1	188,20	47,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu giáo KDC số 2, TDP 1 (KDC số 6, Thôn Đồng Cát, xã Mộ Đức) -Trường MN Mộ Đức)	1	177,30	119,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu giáo KDC số 12, TDP 3 (Thôn Thiết Trường, xã Mộ Đức) -Trường MN Mộ Đức)	1	327,70	47,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu giáo KDC số 15, TDP 3 (Thôn Thiết Trường, xã Mộ Đức) -Trường MN Mộ Đức)	1	495,80	47,50		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trường Mẫu giáo KDC số 10, TDP 3 (Thôn Thiết Trường, xã Mộ Đức) -Trường MN Mộ Đức)	1	844,60	49,60		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu giáo KDC số 16, TDP 3 (Thôn Thiết Trường, xã Mộ Đức) -Trường MN Mộ Đức)	1	592,40	46,90		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu giáo KDC số 17, TDP 3 (Thôn Thiết Trường, xã Mộ Đức) -Trường MN Mộ Đức)	1	69,70	60,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện cũ (cơ sở 3, khu vực 2, thôn Thiết Trường, xã Mộ Đức)	1	710,00	172,30		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trụ sở làm việc UBND huyện Mộ Đức cũ (thôn Đồng Cát)	1	5.107,40	1.473,40	2.428,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã (thôn Vĩnh Phú)	1	1.600,00	336,30	672,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
42	XÃ LẦN PHONG	25	33.304,50	1.314,20	1.314,20		
	Trụ sở HTX chuyên canh mía và chăn nuôi Tú Sơn (Thửa đất số 311 và 312, TĐĐ 52)	1	6.082,30	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Đất HTX Trúc Lâm (cũ) (thửa đất số 99, tờ bản đồ số 70)	1	9.899,30	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Đất HTX Trúc Lâm (cũ) (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 70)	1	1.359,30	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường mẫu giáo xóm 4 (Thửa đất số 166, TBD 43)	1	97,00	40,50	40,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường mẫu giáo xóm 3 (Thửa đất 693,TBD 44)	1	189,00	67,80	67,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường mẫu giáo xóm 3 (Thửa đất 621,TBD 44)	1	5.232,10	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường mẫu giáo Bắc Mỹ (KDC số 6, thôn Tú Sơn 1, thửa đất số 506, TBD 44)	1	397,90	48,80	48,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường mẫu giáo xóm Ao (KDC 11A, thôn Tú Sơn 2, thửa đất số 575, TBD 66)	1	367,00	138,00	138,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường mẫu giáo xóm 5 (KDC 18A, thôn Thạch Trụ Tây, thửa đất số 4, TBD 69)	1	372,00	42,40	42,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường mẫu giáo xóm 4 (KDC 17, thôn Thạch Trụ Tây, thửa đất số 89, TBD 70)	1	236,60	51,00	51,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường mẫu giáo xóm 6 (KDC 19B, thôn Thạch Trụ Tây, thửa đất số 107, TBD 80)	1	348,40	35,70	35,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường mẫu giáo xóm Cá (KDC 22, thôn Thạch Trụ Đông, thửa đất số 195, TBD 72)	1	628,90	131,90	131,90	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường mẫu giáo xóm Mít (KDC 24, thôn Thạch Trụ Đông, thửa đất số 19, TĐĐ 85)	1	749,90	95,20	95,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường mẫu giáo xóm Chùa (KDC 20, thôn Thạch Trụ Đông, thửa đất số 1070, TĐĐ 71)	1	341,80	60,90	60,90	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường mẫu giáo xóm Chùa (KDC 20, thôn Thạch Trụ Đông, thửa đất số 1087, TĐĐ 71)	1	909,40	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường mẫu giáo xóm Dinh (KDC 21, thôn Thạch Trụ Đông, thửa đất số 823, TĐĐ 71)	1	201,00	47,00	47,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường mẫu giáo bán công Đức Phong 2 (thửa đất 519, TĐĐ 6)	1	510,80	58,00	58,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu giáo Thạch Thang (Thửa đất số 1252, TĐĐ 29)	1	1.099,50	116,00	116,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu giáo bán công Đức Phong 1 (Châu Me, Thửa đất số 368, TĐĐ 26)	1	520,30	58,00	58,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trường mẫu giáo bán công Văn Hà (Thửa đất số 361, TBD 19)	1	249,00	45,00	45,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường mẫu giáo bán công Thạch Thang (thửa đất số 1023, TBD 21)	1	568,00	49,00	49,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trạm Y tế (cũ) xã Đức Phong (Thửa đất số 840, tờ bản đồ 19)	1	830,00	131,00	131,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường mẫu giáo bán công Lâm Hạ (thửa đất số 226, TBD 9)	1	494,00	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu giáo Thạch Thang (Điểm Thạch Bắc, thửa đất số 334, TBD 21)	1	514,00	49,00	49,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mẫu giáo Thạch Thang (Điểm Thạch Nam, thửa đất số 833, TBD 29)	1	1.107,00	49,00	49,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
43	XÃ TRÀ BÔNG	4	1.771,80	539,80	764,00		
-	Viện kiểm sát Trà Bông (cũ)						
	Nhà làm việc 2 tầng	1	709	85	170	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà lưu trú công vụ			73	73		
	Nhà bảo vệ			13	13		
-	Nhà làm việc Ban định canh, định cư (Ban bảo vệ TDP), Thị trấn Trà Xuân	1	115	60	60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Nhà làm việc 02 tầng tại thị trấn Trà Xuân huyện Trà Bồng (cấp III)	1	750	229	368	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường PTDTBT TH &THCS Trà Thủy điểm thôn 2	1	197,80	80	80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
44	XÃ ĐÔNG TRÀ BỒNG	2	1.393,10	230,00	230,00		
	Trường mẫu giáo Trà Phú	1	302,00	70,00	70,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Trà Bình (điểm Bình Thanh)	1	1.091,100	160,00	160,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
45	XÃ TÂY TRÀ	25	30.746,53	5.299,40	6.465,98		
-	Trụ sở công an xã Trà Phong cũ (thôn Trà Niu)	1	345	93	93	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Tây Trà (cũ)	1	1.000	794	794	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm việc UBND xã Trà Xanh, đội 1 thôn Trà Veo	1	1.427	640	640	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà kho dự trữ xã Trà Xanh			73	73		
-	Trụ sở làm việc UBND xã Sơn Trà	1	3.274	340	1.018	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà kho dự trữ xã Sơn Trà			64	64		
-	Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự	1	397	81	81	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Nhà Công vụ cbcc, thôn Hà, xã Sơn Trà (xã Trà Khê cũ)	1	300	100	100	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trung tâm GDNN-GDTX huyện (huyện Tây Trà cũ, đã giải thể từ tháng 6/2019)	1	15.353			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà lớp học			219	438		
	Nhà vệ sinh			31	31		
	Nhà công vụ			85	85		
	Nhà Xưởng			187	187		
-	Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Trà	1	1.277,40	335	538	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Trà	1	889,60	229	350	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Trà Phong	1	311	56	56	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trà Niu - Trà Phong Trường Mầm non Trà Phong	1	100	75	75	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Trà Phong	1	100	56	56	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Trà Phong	1	270	56	56	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH số 2 Trà Phong cũ	1	320	70	70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Dãy nhà 08 phòng học, thôn Trà Bung	1	1.393	634	634	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà Công cụ Trường THCS Trà Phong thôn Trà Bung	1	208	106	106	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Cửa hàng thương mại tổng hợp xã Trà Phong	1	1.187			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường TH số 2 Trà Phong (Trà Reo)	1	320	320	320	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Nhà lớp học, tổ 7 thôn Hà (Mầm non số 1 Sơn Trà)	1	50	50	50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà lớp học tổ 1 thôn Sơn (Mầm non số 1 Sơn Trà)	1	122	122	95	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà phòng học thôn Trà Ong (Mầm non số 2 Sơn Trà)	1	500	77	77	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà phòng học tổ 5 Trà Xuông (Mầm non số 2 Sơn Trà)	1	500	77	77	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà phòng học tổ 10 làng gấm (Mầm non số 2 Sơn Trà)	1	300	158	158	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mẫu giáo Trà Khê (nay là Trường Mầm non số 1 Sơn Trà)						
-	Nhà lớp học, tổ 4 thôn Sơn 2	1	804,00	50	50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Nhà lớp học, tổ 6 thôn Sơn 2	1		122	95	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
46	XÃ THANH BÔNG	3	1.840,30	282,70	282,70		
-	Trường Mẫu giáo Trà Lâm						
	Điểm Trà Hoa, Thôn Trà Hoa, xã Trà Lâm	1	400,00	60,00	60,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mẫu giáo Trà Hiệp Điểm Thôn Cưa (lê)	1	796,70	92,40	92,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
-	Trường Mẫu giáo Trà Hiệp Điểm Thôn Nguyên	1	643,60	130,30	130,30	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
47	XÃ CÀ ĐAM	5	5.814,60	747,00	747,00		
-	Trường Mầm non Trà Tân						
	Điểm Chính Thôn Trường Giang 1	1	1.335,60	325,00	325,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm Chính Thôn Trường Giang 2	1	3.033,00	180,00	180,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Bù						
	Điểm trường thôn Tây	1	612,50	101,00	101,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường thôn Gò	1	733,50	101,00	101,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
-	Đất Trạm kiểm soát Trà Tân	1	100,00	40,00	40,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
48	XÃ TÂY TRÀ BÔNG	19	14.387,90	2.092,49	2.377,67		
-	Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Hương Trà						
	Nhà phòng học Tổ 1 Trà Vân	1	1.001,70	120,00	120,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà phòng học, tổ 2 Trà Huynh	1	1.027,60	120,00	120,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Trà Tây						
	Nhà tập thể giáo viên	1	174,70	101,70	101,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Phòng học thôn Tre 1	1				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Bắc Nguyên 2	1	735,90	77,22	77,22	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Tây						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm lẻ Thôn Nước Nia	1	508,20	101,00	101,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non số 1 Hương Trà						
	Nhà phòng học Tổ 5, thôn Trà Linh	1	719,40	80,00	80,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non số 2 Hương Trà						
	Trường Mầm non số 2 Hương Trà (Điểm tổ 5 thôn Cà Đam)	1	521,00	57,80	57,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	UBND xã Tây Trà Bồng						
	Nhà làm việc Thôn Vàng, xã Trà Tây (xã Trà Trung cũ),	1	2.880,50	285,18	570,36	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà làm việc xã đội và Dân quân thường trực xã , thôn Vàng (xã Trà Trung cũ)	1	167,00	83,30	83,30	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà làm việc Công an xã, Thôn Vàng, xã Trà Tây	1	200,00	100,00	100,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà phòng học Tổ 1 thôn Cà Đam (Trà Cương cũ) (Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Hương Trà)	1	842,30	110,80	110,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà phòng học, thôn Trà Vách (Trường PTDTBT Tiểu học số 1 Hương Trà)	1	1.525,10	108,00	108,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Nhà kho, Thôn Trà Huynh, xã Hương Trà (xã Trà Nham cũ)	1	1.912,90	64,00	64,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trụ sở Công an xã, Thôn Trà Huynh, xã Hương Trà (xã Trà Nham cũ)			97,24	97,24		
	Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã (xã Trà nham cũ)	1	400,00	221,15	221,15	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm Thôn Vàng tổ 7 (Trường Mầm non số 2 Trà Tây)	1	424,90	59,78	59,78	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm Thôn Vàng (Trường Mầm non số 2 Trà Tây)			77,22	77,22		
	Điểm Thôn Đam (Trường mầm non số 2 Trà Tây)	1	420,00	59,78	59,78	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường thôn Đam (Trường PTDTBT TH&THCS Trà Tây)	1	551,00	56,00	56,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường thôn Xanh (Trường PTDTBT TH&THCS Trà Tây)	1	375,70	112,32	112,32	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đ
49	XÃ SƠN TÂY	6	3.183,00	470,50	470,50		
	Trường Mầm non xã Sơn Dung Điểm trường Xóm nghèo - thôn Đăk Trên	1	214	100	100	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non xã Sơn Dung Điểm trường Xóm Bệnh Viện (trước đây là Trường Mầm non ĐăkDrinh)	1	776	100	100	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường Thôn Đăk trên, xã Sơn Dung (nguyên là Trường THCS Sơn Dung) Điểm trường Xóm Ông Thang, thôn Huy Măng	1	189	40	40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường PT DTBT TH và THCS Sơn Long Điểm trường thôn Ra Pân	1	1.092	96	96	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường xóm Ka Năng Thôn Tà Dô, xã Sơn Tân	1	131	39	39	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Thôn Đăk Be, xã Sơn Tân	1	781	96	96	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
50	XÃ SƠN TÂY THƯỢNG	7	6.050,00	1.156,00	1.362,00		
-	UBND xã Sơn Bua cũ						
-	Trường Mầm non TuKPan - Sơn Bua						
	Tập đoàn 11 Mang Krin	1	176	100	100	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường PTDTBT TH & THCS Đinh Thanh Kháng (nguyên là Trường TH và THCS Sơn Mùa)						
	Điểm trường Tập đoàn 6	1	1.708	200	200	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Tập đoàn 7	1	1.176	70	70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường thôn Huy Ra Long (nguyên là Trường THCS Sơn Mùa)	1	1.852	456	772	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Liên						
	Xóm Ông Đang	1	482	120	120	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Xóm Ông Du	1	156	100	100	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà làm việc (Trạm bảo vệ thực vật cũ)	1	500	110		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
51	XÃ SƠN TÂY HẠ	17	5.796,60	1.801,50	2.115,60		
	Trường Mầm non Sơn Tinh Điểm trường Đội 1 - Thôn Nước Kìa	1	171,70	83,70	95,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Nước Hoa xã Sơn Lập Điểm thôn Bà He	1	265,00	49,00	49,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Lập Điểm trường Xóm Ông Hoạch, thôn Tả Ngảm	1	360,00	110,00	110,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Sơn Tây Hạ						
	Điểm trường Đội 11 - Thôn Ka Nặng	1	162,00	83,70	95,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường Xóm Ông Viêt – Đội 2 - Thôn Nước Kìa	1	471,00	83,70	95,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường Đội 10 – Thôn Bà He	1	272,20	78,70	78,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trường Mầm non Nước Hoa						
	Điểm trường Xóm Mới	1	723,00	83,70	95,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Bãi Màu						
	TĐ 17 - Thôn Đak Panh	1	182,90	83,70	95,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	TĐ 19 - Thôn Hà Lên	1	191,70	83,70	95,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	TĐ 12 - Thôn Tà Vinh	1	171,40	100,00	100,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	TĐ 11 - Thôn Đăk Pao	1	159,70	83,70	95,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường TH và THCS Sơn Tinh						
	Dãy phòng học 02 phòng	1	477,00	116,00	232,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Dãy phòng học 02 phòng			76,00	76,00		
	Nhà vệ sinh học sinh			15,00	15,00		
	Điểm xóm Nóc						
	Dãy phòng học 2 phòng	1	235,00	119,00	238,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Nhà vệ sinh học sinh			14,00	14,00		
	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Màu						
	Dãy 2 phòng học tập đoàn 6	1	415,00	135,00	135,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Dãy 2 phòng học 1 tầng tập đoàn 6			129,00	129,00		
	Dãy 1 phòng học TĐ 11	1	760,00	96,00	96,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Dãy phòng học 2 phòng lắp ghép TĐ 11			77,90	77,90		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường Thôn Hà Lân Dãy phòng học 2 phòng	1	179,00	100,00	100,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Lập						
	Điểm trường thôn Tà Ngàm 02 phòng học	1	600,00	116,25	116,25	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
52	XÃ MINH LONG	13	6.342,80	1.411,40	380,00		
	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Minh Long (Trụ sở làm việc 3 (Đội chiếu bóng cũ)	1	113,0	200,0	200,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Diệp Hạ xã Thanh An	1	508,0	200,0	90,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Thôn Tam La xã Thanh An	1	750,0	750,0	90,0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường tiểu học xã Long Hiệp (Điểm tập đoàn 10, thôn Hà Bôi, xã Long Hiệp)	1	500,0			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường tiểu học xã Long Hiệp (Điểm tập đoàn 8, thôn Dục Ái, xã Long Hiệp)	1	480,0			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường tiểu học xã Long Hiệp (Điểm thôn 3, xã Long Hiệp)	1	389,0			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường tiểu học xã Long Hiệp (Điểm tập đoàn 13, thôn Hà Liệt, xã Long Hiệp)	1	232,8	160,0		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trường tiểu học xã Long Hiệp (Điểm trường tập đoàn 6, thôn Thiệp Xuyên, xã Long Hiệp)	1	540,0			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường tiểu học xã Long Hiệp (Điểm tập đoàn 11, thôn Hà Bôi, xã Long Hiệp)	1	1.200,0	50,7		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường tiểu học xã Long Hiệp (Điểm tập đoàn 12, thôn Hà Bôi, xã Long Hiệp)	1	130,0	50,7		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất điểm trường Bãi Vệt	1	500,0			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất trường tiểu học Điểm Làng Mù	1	500,0			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất trường tiểu học điểm ruộng của 2	1	500,0			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
53	UBND XÃ SƠN MAI	7	1.405,00	240,86	240,86		
	Trường Mầm non Long Mai						
	Điểm trường Mẫu giáo Long Mai (Điểm Ngã Lãng)	1	88,00	88,00	88,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Long Sơn						
	Điểm trường Gò Gù (Gò Chè)	1	177,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Yên Ngựa	1	191,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Biều Qua	1	236,00			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường Sơn Châu	1	123,90	76,00	76,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường Gò Nay, thôn Gò Nay	1	101,20			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Điểm trường Lạc hạ (Đồng Tròn)	1	487,90	76,86	76,86	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
54	XÃ BA TÔ	7	6.428,20	849,00	915,00		
-	Trường tiểu học Ba Tô	3	4.508	733	799		
	Điểm trường thôn Làng Mạ	1	260	134	200	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Làng Xi 1	1	1.376	345	345	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	+ Nhà lớp học(1 phòng học, 1 phòng chờ, công trình vệ sinh , giếng nước)			134	134		
	+ Nhà lớp học 2 phòng học			135	135		
	+ Nhà lớp học 2 phòng học			76	76		
	Điểm trường thôn Làng Xi 2	1	2.872	254	254	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	+ Nhà lớp học(1 phòng học, 1 phòng chờ, công trình vệ sinh , giếng nước)			134	134		
	+ Nhà lớp học 2 phòng học			120	120		
-	Trường Mầm non Ba Tô	3	1.492	116	116		
	Điểm trường thôn Mang Lùng 1	1	181	42	42	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Làn Mạ	1	351	42	42	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Làng Xi 2	1	960	32	32	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường mầm non Ba Nam	1	429	-	-		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Nhà cấp IV-nhà lớp học 0 1 phòng thôn Xà Râu	1	429			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
55	XÃ BA XA	4	6.905,00	479,08	479,08		
-	UBND xã Ba Xa	3	6.455	283	283		
	Đất công trình sự nghiệp - Điểm trường Nước Lãng 2, thôn Nước Lãng	1	2.382	185	185	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất công trình sự nghiệp - Trường MN Ba Xa, hạng mục nhà lớp học 2 phòng, thôn Mang Krá	1	3.323	98	98	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất công trình sự nghiệp - Điểm trường MN Ba Xa, thôn Mang Mu	1	750			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường tiểu học xã Ba Xa	1	450	196	196		
	Điểm thôn Nước Chạch	1	450	196	196	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
56	ĐẶC KHU LÝ SƠN	5	9.955,60	1.566,60	2.434,60		
-	Đất nhà công vụ (Thôn Đông An Vĩnh)	1	768	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở UBND xã An Vĩnh (Thôn Đông An Vĩnh)	1	6.211	317	634	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	04 Phòng làm việc			155	155		
	Hội trường			266	266		
-	Trụ sở UBND xã An Bình (Thôn Bắc An Bình)	1	1.211	551	1.102	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà công vụ			115	115		
	Trụ sở làm việc cũ			95	95		
	Kho lương thực			68	68		
	Điểm trường (Thôn Đồng Hộ An Hải)	1	750	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường 5 lớp (Thôn Đông An Hải)	1	1.015	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
B	ĐỊA BÀN KON TUM (CŨ)	274	402.224,75	66.591,47	83.627,22		
57	XÃ ĐẮK MAR	2	650,00	79,60	79,60		
-	Nhà ở Bác sỹ xã Đăk Mar	1	350	45	45	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm việc cũ - Đội thuế Đăk Mar-Đăk Hring	1	300	35	35	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
58	XÃ ĐẮK UI	6	4.442,82	1.890,27	1.890,27		
	KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	6	4.443	1.890	1.890		
-	Trạm y tế	1	400	46	46	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường MG xã Đăk Ngok	4	3.959	1.760	1.760		
	<i>Đất điểm Thôn Đăk Xuân (Thôn 5)</i>	<i>1</i>	<i>70</i>	<i>173</i>	<i>173</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	<i>Đất điểm thôn Đăk Lợi (Thôn 3)</i>	<i>1</i>	<i>107</i>	<i>107</i>	<i>107</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	<i>Đất điểm thôn Thanh Xuân (thôn 4)</i>	<i>1</i>	<i>103</i>	<i>103</i>	<i>103</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	<i>Đất điểm thôn Đăk Tin (thôn 7)</i>	<i>1</i>	<i>84</i>	<i>84</i>	<i>84</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học & THCS xã Đăk Ngok	1	17.328	3.039	3.039		
	<i>Đất ở điểm trường thôn Thanh Xuân</i>	<i>1</i>	<i>1.575</i>	<i>131</i>	<i>131</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
59	XÃ NGỌK RỂO	4	4.663,00	1.213,16	1.213,16		
	KHỐI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	1	3.172	764	764		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Phòng khám đa khoa khu vực xã Ngọc Wang	1	3.172	764	764	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	3	1.491	449	449		
-	- Diêm thôn, thôn Kon Rôn	1	273	174	174	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	1. Thôn Đăk Têng (Thôn Đăk Têng, xã Ngọc Réo)	1	220	135	135	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	2. Thôn Kon Jong (Thôn Kon Jong, xã Ngọc Réo)	1	998	140	140	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
60	XÃ ĐẮK HÀ	8	20.015,50	4.063,90	4.180,90		
	KHỐI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	7	19.808	3.998	4.115		
-	Phòng Kinh Tế và Hạ tầng (Liên 5 cơ quan: Kinh tế, Dân tộc, Tư pháp, Chi cục thống kê); Đ/c 153 Hùng Vương, thị trấn Đăk Hà	1	1.350	459	576	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	1. Trụ sở Phòng TC-KH (48- Hùng Vương, TDP 1, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà tỉnh Kon Tum)	1	1.323	761	761	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đăk Hà	1	2.606	694	694	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở UBND xã Hà Môn (cũ); Đ/c Thôn 1 xã Đăk La	1	10.440	1.370	1.370	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	2. Công an Thị trấn; Đ/c :	1	379,00	170,00	170,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Phòng Y tế huyện Đắk Hà (cũ) (Đường Ngô Gia Tự, thị trấn Đắk Hà)	1	2.729,50	451,00	451,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	2. Trụ sở Chi cục chăn nuôi Thú y huyện (thôn 5 xã Hà Môn, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum)	1	980,00	93,50	93,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	1	208	66	66		
-	Trụ sở làm việc cũ - Đội thuế Đắk La	1	208	66	66	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
61	XÃ NGỌC TỰ	3	13.141,00	-	549,46		
	Trường Tiểu học Ngọc Tự (nay là Trường Tiểu học Kim Đồng)						
	- Khuôn viên đất 3 thôn Đắk Tăng	1	2.774,80		198,36	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Ngọc Tự (nay là Trường Mầm non Sao Mai)						
	- Khuôn viên đất 3 Thôn Đắk Tăng	1	1.068,50		88,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường PTDT BT THCS Đắk Rơ Nga (nay là trường PTDTBT-THCS Đinh Núp)						
	- Khuôn viên đất 1 thôn Đắk Manh	1	9.297,70		263,10	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
62	UBND XÃ ĐẮK TÔ	11	24.168,10	303,60	1.831,37		
-	Trụ sở của Phòng Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ, khối 7 thị trấn Đắk Tô).	1	519,00	303,60	303,60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Bình Minh						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Đất Khối 2, thị trấn Đắk Tô	1	4.487,80		209,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Đất Khối 4, thị trấn Đắk Tô	1	1.659,30			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Sao Mai						
	Đất khối 6 thị trấn Đắk Tô	1	647,30		209,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Thôn Đắk Rao Lớn Thị Trấn Đắk Tô	1	328,40		150,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến						
	Đất điểm thôn Đắk rao lớn(Nhà rông)	1	1.229,00		107,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường THCS Lương Thế Vinh						
	Đất khối 11, thị trấn Đắk Tô	1	5.861,00		-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Vành Khuyên						
	Thôn Tân Cảnh 4, xã Đắk Tô, tỉnh Quảng Ngãi	1	226,00		209,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học Kim Đồng						
	Thôn Tân Cảnh 3, xã ĐắkTô, tỉnh Quảng Ngãi	1	2.437,50		270,77	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học - THCS Pô Kô						
	Đất Thôn Kon Tu Dốp 2, xã Pô I	1	622,80		160,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Thôn Tân Cảnh 1, xã ĐắkTô, tỉnh Quảng Ngãi	1	6.150,00		212,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH TĂNG SỐ LƯỢNG
63	XÃ ĐẮK SAO	6	5.441,60	1.427,80	1.427,80		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	6	5.442	1.428	1.428		
-	Trường Mầm Non xã Đăk Sao (Thôn Ka Kạch Nhỏ xã Đăk Sao)	4	1.213	365	365		
	<i>Điểm trường Thôn Năng Lớn 3</i>	<i>1</i>	<i>261</i>	<i>66</i>	<i>66</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	<i>Điểm trường Thôn Đăk Giá</i>	<i>1</i>	<i>300</i>	<i>117</i>	<i>117</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	<i>Điểm trường Thôn Năng Nhỏ 2</i>	<i>1</i>	<i>400</i>	<i>101</i>	<i>101</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	<i>Điểm trường Thôn Kạch Lớn 1</i>	<i>1</i>	<i>252</i>	<i>81</i>	<i>81</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường PTDT BT TH-THCS xã Đăk Sao (<i>Thôn Kạch Lớn, xã Đăk Sao</i>)	1	4.089	983	983		
	<i>Điểm Trường chính Thôn Kạch Lớn 2</i>	<i>1</i>	<i>4.089</i>	<i>983</i>	<i>983</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường PTDT BT TH-THCS xã Đăk Na (<i>Thôn Hà Lăng II, xã Đăk Na</i>)	1	140	80	80		
	<i>Điểm trường thôn Lê Văng</i>	<i>1</i>	<i>140</i>	<i>80</i>	<i>80</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
64	XÃ TU MƠ RÔNG	11	16.783,28	5.495,25	8.791,15		
-	Trụ sở làm việc Phòng Nông nghiệp và Môi trường (Thôn Mô Pả, xã Đăk Hà)	1	2.099,00	908,40	908,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện (cũ) (Thôn Mô Pả, xã Tu Mơ Rông)	1	1.000,00	471,00	720,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trụ sở làm việc Phòng Giáo dục và Đào tạo (Thôn Mô Pả, xã Đăk Hà)	1	2.772,00	358,80	1.554,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm việc Phòng Lao động thương binh và xã hội (cũ) (Thôn Mô Pả, xã Đăk Hà)	1	2.000,00	849,00	1.488,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non xã Tu Mơ Rông (Thôn Tu Mơ Rông, xã Tu Mơ Rông)						
	Điểm trường Thôn Long Leo	1	360,00	169,00	169,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Thôn Tu Mơ Rông	1	421,70	170,00	170,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Thôn Đăk Chum II	1	353,78	89,88	89,88	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Cơ sở nhà, đất thuộc UBND xã Tu Mơ Rông cũ quản lý (xã Tu Mơ Rông)						
	Đất cơ sở 3 (phòng khám đa khoa cũ xã Tu Mơ Rông)	1	862,30	1.427,53	1.427,53	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Ban chỉ huy quân sự xã (Thôn Kon Tun, xã Tu Mơ Rông)	1	3.724,00		1.062,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trụ sở Phòng Dân tộc - Tôn giáo huyện (cũ) (Thôn Kon Tun, xã Tu Mơ Rông)	1	1.200,00	228,00	378,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	UBND xã Tu Mơ Rông	1	1.990,50	823,64	823,64	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
65	XÃ MĂNG RI	13	20.042,90	3.375,64	3.375,64		
	KHỐI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	2	9.317	1.205	1.205		
-	Trụ sở làm việc UBND xã Ngọc Yêu (Thôn Ba Tu 2, xã Ngọc Yêu)	1	5.068	824	824	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở UBND xã Măng Ri (Thôn Ba Khen, xã Măng Ry)	1	4.249	381	381	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	11	10.726	2.171	2.171		
-	Trường PTDTBT TH-THCS Văn Xuôi (Thôn Ba Khen, xã Văn Xuôi)						
	Điểm trường (Thôn Đắc Văn Linh)	1	1.779	350	350	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường (Thôn Long Tro)	1	1.500	180	180	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non xã Măng Ri (Thôn Ngọc La, xã Măng Ri)						
	Điểm trường Thôn Chum Tam	1	550	110	110	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Thôn Đắc Đơn	1	274	85	85	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường PTDTBT TH-THCS Măng Ri (Thôn Ngọc La, xã Măng Ri)						
	Điểm trường Thôn Long Hy 2	1	1.603	128	128	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Thôn Long Láy	1	844	192	192	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trường Mầm non xã Tê Xăng						
	Điểm trường Thôn Tu Thó Trong (Điểm Tu Thó A)	1	1.132	67	67	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Thôn Tu Thó (Điểm Tu Thó B)	1	249	169	169	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Tân Ba	1	572	150	150	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường PTDTBT TH-THCS Tê Xăng (Thôn Đăk Sông, xã Tê Xăng)						
	Điểm trường thôn Tu Thó trong	1	573	187	187	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường PTDTBT TH-THCS Tê Xăng (Thôn Đăk Sông, xã Tê Xăng)						
	Tiểu học	1	1.650,00	553,00	553,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
66	XÃ BỜ Y	24	28.272,12	4.624,46	5.169,46		
-	Thư viện (Trụ sở Huyện ủy cũ)	1	2.385,00	496,00	571,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Chi cục thuế (cũ) (TDP 1)	1	1.733,00	489,00	502,28	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Kho bạc (cũ) (TDP 1)	1	1.879,50	397,28	854,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Trung tâm chính trị (cũ) (TDP 1, thị trấn Plei Kần)	1	3.305,00	859,00	859,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH-THCS Đăk Xú						
	Điểm trường TH thôn Ngọc Thư	1	1.149,50			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường TH thôn Đắc Long	1	252,80	97,50	97,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non xã Bờ Y						
	Điểm trường thôn Tà Ka	1	137,30	77,00	77,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trạm chăn nuôi và Thú y cũ	1	600,00	58,00	58,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (Điểm cũ) - Điểm chính Thôn 4, thị trấn Plei Kần	1	6.242,52	278,10	278,10	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
-	Trường Mầm non Chợ Rao - Điểm trường Thôn 5, thị trấn Plei Kần	1	610,00	79,92	79,92	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
-	Trường Mầm non Chợ Rao - Điểm trường Thôn 7, thị trấn Plei Kần	1	746,00	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học Đắc Xú (Nay là trường TH-THCS Đắc Xú) - Điểm trường Thôn Phía Pháp, xã Đắc Xú	1	376,70	97,50	97,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Đắc Xú - Điểm trường Thôn Ngọc Tiên, xã Đắc Xú	1	168,00	76,68	76,68	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Đắc Xú - Điểm trường thôn Thôn Kei Joi, xã Đắc Xú	1	571,90	66,30	66,30	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Đắc Xú - Điểm trường Thôn Thung Nai, xã Đắc Xú	1	1.221,40	66,30	66,30	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non xã Đắc Xú						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm Thôn Ngọc Thư	1	348,60	76,68	76,68	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc - Điểm trường Thôn Tà Ka, xã Pờ Y	1	2.119,00	336,40	336,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn - Điểm trường Thôn Bắc Phong, xã Pờ Y	1	1.885,20	464,73	464,73	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn - Điểm trường Thôn Đăk Mế, xã Pờ Y	1	1.061,00	182,77	182,77	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Bờ Y - Điểm trường Thôn Iệt, xã Pờ Y	1	89,90	56,80	56,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Bờ Y - Điểm trường thôn Thôn Kon Khôn, xã Pờ Y	1	178,30	76,68	76,68	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Bờ Y - Điểm trường Thôn Măng Tôn, xã Pờ Y	1	366,20	138,46	138,46	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Bờ Y - Điểm trường thôn Thôn Ngọc Hải, xã Pờ Y	1	555,80	76,68	76,68	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Bờ Y - Điểm trường thôn Thôn Đăk Răng, xã Pờ Y	1	289,50	76,68	76,68	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
67	XÃ SA LOONG	13	17.222,20	68,00	3.429,47		
-	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND, Ủy ban MTTQVN xã Sa Loong	1	5.760,40		1.773,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Họa Mi						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường Thôn Bun Ngai	1	278,40	65,00	65,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Sơn Ca						
	Điểm trường Thôn 4, xã Đắk Kan	1	2,00	3,00	4,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ - Điểm trường Thôn Giang Lô I, xã Sa Loong	1	3.973,90		244,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi - Điểm trường Thôn Bun Ngai, xã Sa Loong	1	241,90		123,23	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi - Điểm trường Thôn Hào Lý, xã Sa Loong	1	1.405,00		123,23	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Họa Mi - Điểm trường Thôn Cao Sơn, xã Sa Loong	1	426,40		110,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Họa Mi						
	Điểm Hào Lý	1	0,00		65,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Xã Sa Loong						
	Điểm lẻ thôn Cao Sơn	1			230,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu (Nay là trường TH-THCS Lý Tự Trọng) - Điểm trường Thôn Hòa Bình, xã Đắk Kan	1	1.600,70		196,62	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Mầm non Sơn Ca - Điểm trường Thôn Sơn Phú, xã Đắk Kan	1	628,50		116,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trường Mầm non Sơn Ca						
	Điểm lẻ thôn Ngọc Tạng	1			76,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường Tiểu học - Trung học Cơ sở Lý Tự Trọng						
	Điểm TH thôn Ngọc Tạng	1	2.905,00		303,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
68	XÃ XỐP	8	24.177,70	6.140,98	6.140,98		
	KHỎI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	8	24.178	6.141	6.141		
-	Trường Mầm Non Đăk Choong	3	12.942	3.865	3.865		
	<i>Điểm trường Thôn Kon Brôi</i>	<i>1</i>	<i>2.154</i>	<i>1.639</i>	<i>1.639</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	<i>Điểm trường Thôn La Lua</i>	<i>1</i>	<i>128</i>	<i>40</i>	<i>40</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	<i>Điểm trường Đăk Lây</i>	<i>1</i>	<i>298</i>	<i>140</i>	<i>140</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học - THCS xã Đăk Choong						
	<i>Điểm trường thôn Kon Brôi</i>	<i>1</i>	<i>9.660</i>	<i>1.869</i>	<i>1.869</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm Non xã Xốp	3	703	177	177		
	<i>Điểm trường Tân Đum</i>	<i>1</i>	<i>322</i>	<i>67</i>	<i>67</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	<i>Điểm trường thôn Xốp Nghét</i>	<i>1</i>	<i>201</i>	<i>55</i>	<i>55</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	<i>Điểm trường thôn Đăk Xi Na</i>	<i>1</i>	<i>180</i>	<i>55</i>	<i>55</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH-THCS xã Xốp						
	<i>Điểm trường Xốp Nghét</i>	<i>1</i>	<i>873</i>	<i>230</i>	<i>230</i>	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
69	XÃ ĐẮK PÉK	2	3.721,00	739,00	739,00		
-	Trụ sở phòng Nông nghiệp và Môi trường (phòng Tài nguyên và Môi trường cũ), thôn Đăk Dung, thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum	1	2.945	297	297	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở phòng Nông nghiệp và PTNT (cũ), địa chỉ số 175 Hùng Vương, thôn 14A xã Đăk Pek, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum	1	776	442	442	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
70	XÃ SA THẦY	8	22.801,60	1.163,46	1.678,20		
-	Trụ sở của Bảo hiểm xã hội (Đường Hùng Vương, xã Sa Thầy, tỉnh Quảng Ngãi)	1	887,50	77,76	299,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Thôn 4 của Trường Mầm non Hòa Mi (Số 102 Lê Duẩn, thôn 4, xã Sa Thầy, tỉnh Quảng Ngãi)	1	615,00	115,00	115,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường thôn 1 của Trường Mầm non Hòa Mi (Điểm 1, Đường Hoàng Hoa Thám, Thôn 1, xã Sa Thầy, tỉnh Quảng Ngãi)	1	803,80	210,60	210,60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Thôn Nhơn Đức, xã Sa Thầy của Trường Mầm non Hoa Phượng	1	985,70	116,80	116,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Thôn Nhơn Bình, xã Sa Thầy của Trường Mầm non Hoa Phượng	1	4.578,90	114,00	114,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Điểm trường Thôn Nhơn Nghĩa 1, xã Sa Thầy của Trường Mầm non Hoa Phượng	1	763,20	42,00	42,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm tiểu học thôn Nhơn Bình (thôn Nhơn Bình, xã Sa Thầy, tỉnh Quảng Ngãi) của Trường TH-THCS Trần Phú	1	12.503,50	137,80	137,80	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trụ sở Phòng Tài chính - Kế hoạch (số 72 đường Hùng Vương, Thôn 2, xã Sa Thầy, tỉnh Quảng Ngãi)	1	1.664,00	349,50	643,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
71	XÃ SA BÌNH	4	5.468,90	882,39	882,39		
-	Trụ sở làm việc (cũ) đội thuế số 2 xã Sa nghĩa cũ	1	390,70	88,00	88,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm Non Hoa Sen						
	Điểm trường Hòa Bình	1	2.251,40	356,39	356,39	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH Lê Văn Tám xã Sa Bình						
	Điểm trường thôn Lung Leng cũ	1	944,30	256,00	256,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trụ sở cũ UBND xã Sa Nghĩa cũ (Thôn Nghĩa Dũng, xã Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi)	1	1.882,50	182,00	182,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
72	XÃ YA LY	4	10.718,71	1.033,94	1.033,94		
-	Trường Mầm non Hoa Hướng Dương (Trường mầm non Ya Xiêr cũ)						
	Điểm trường làng O (cũ)	1	821			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường Thôn Thanh Xuân (Thôn 3 cũ)	1	539	97	97	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH-THCS Nguyễn Văn Trỗi (Trường TH-THCS xã Ya Xiêr cũ)						
	Điểm trường Thôn Quy Nhơn cũ	1	2.557	270	270	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH-THCS Chu Văn An						
	Điểm trường Thôn Thanh Xuân	1	6.802	667	667	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
73	XÃ IA TOI	4	7.489,20	332,69	429,29		
-	Trường MN Hoa Mai						
	Điểm trường Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai (điểm trường thôn 1)	1	-	79	79	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (Trường TH Lê Quý Đôn và Trường THCS Trần Quốc Tuấn cũ)						
	Điểm trường Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1	4.840	171	171	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường MN Tuổi Ngọc						
	Điểm trường Thôn Ia Muong, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	1	1.049	83	83	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Điểm dân cư số 4, thôn 3 (Thôn 3, xã Ia Toi, tỉnh Quảng Ngãi)	1	1.600		97	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
74	XÃ ĐẮK KÔI	5	2.333,70	424,00	424,00		
-	Trường tiểu học Đăk Kôi (Địa chỉ: xã Đăk Kôi, Tỉnh Quảng Ngãi)						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm thôn 2	1	1.472	200	200	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường mầm non Đăk Kôi (Địa chỉ: xã Đăk Kôi, Tỉnh Quảng Ngãi)						
	Điểm thôn 5a	1	165	84	84	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm thôn 8	1	194	84	84	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường tiểu học Đăk Tơ lung (Địa chỉ: xã Đăk Kôi, Tỉnh Quảng Ngãi)						
	Điểm Kon Keng a	1	228			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Đăk Tơ Lung (Địa chỉ: xã Đăk Kôi, Tỉnh Quảng Ngãi)						
	Điểm Kon Rá	1	274	56	56	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
75	XÃ KON BRAIH	14	20.139,40	4.342,50	4.342,50		
-	UBND xã Đăk Tờ Re (cũ) (Thôn Kon Săm Lũ)	1	3.099	1.395	1.395	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm việc (cũ) Đội thuế Đăk Ruồng - Đăk Kôi (thôn 9)	1	117	50	50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường mầm non Hoa Hồng						
	Điểm thôn 1 (Thôn Đăk Jri)	1	229	56	56	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm thôn 12 (Thôn Tam Sơn)	1	662	640	640	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường tiểu học Tân Lập (Thôn 2)						
	Điểm thôn 6 (Thôn 6)	1	705	200	200	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm thôn 3 (Thôn 3)	1	3.329	160	160	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm thôn 2 (Thôn 2)	1	789	225	225	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Tiểu học Lê Quý Đôn						
	Điểm Tam Phiên (Thôn 14)	1	2.217	561	561	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường MN Ánh Dương						
	Điểm thôn 8 Kon Nhên (Thôn 8)	1		75	75	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm thôn 13 Đăk Toa (Thôn 13)	1	405	40	40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Tân Lập						
	Điểm thôn 1 (Thôn 1)	1	858	120	120	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm thôn 3 điểm lẻ (Thôn 3)	1	934	54	54	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm thôn 6 (Thôn 6)	1	423	127	127	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường tiểu học Kim Đồng						
	Điểm thôn 12 (Thôn Tam Sơn)	1	6.373	640	640	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
76	XÃ ĐẮK RVE	6	4.608,70	905,54	905,54		
	UBND xã Đăk Rve						
-	Trụ sở Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện (cũ) (Địa chỉ: xã Đăk Rve, Tỉnh Quảng Ngãi)	1	1.587	-	-	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Phòng Nông nghiệp và PTNT (cũ) (Địa chỉ: xã Đăk Rve, Tỉnh Quảng Ngãi)	1	364	193	193	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Trung tâm dạy nghề (trụ sở tiếp dân cũ)	1	100	54	54	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trạm trồng trọt & BVTV huyện Kon Rẫy	1	750	77	77	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở làm việc cũ của Chi nhánh Agribank (cũ)	1	1.167	438	438	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Viện kiểm sát ND huyện Kon Rẫy cũ	1	641	144	144	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
77	XÃ MĂNG ĐEN	26	49.068,70	3.865,97	6.102,00		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Phòng Kinh tế - Hạ tầng (Căn nhà 344 Trần Hưng Đạo, Phường Đắk Bla, tỉnh Quảng Ngãi)	1				Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường MN Thị trấn Măng Đen (Thôn Kon Leang, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi)						
	Điểm trường thôn Kon Xuh	1	286,30	150,00	150,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Măng Đen						
	Điểm trường chính (Cơ sở II - Đường Huỳnh Thúc Kháng, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi)	1	16.824,00	775,97	776,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Kon Pring xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi (thửa số 1)	1	395,00	53,00	53,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Măng Đen (253 Võ Nguyên Giáp, TDP4, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi)						
	Trường Tiểu học Măng Đen, Địa chỉ: Thôn Kon Pring,xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi)	1	934,90	95,00		Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Tiểu học Thị trấn Măng Đen (xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi)						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường thôn Kon BRẫy	1	878,00	165,00	165,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Kon Xuh	1	2.205,00	243,00	243,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Kon Vong Kia 2	1	432,00	135,00	135,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Nước La	1	405,00	143,00	143,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Kon Chốt (thửa số 01)	1	450,00	115,00	115,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Kon Chốt (thửa số 02)	1	230,00	128,00	128,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Kon Leng 2	1	405,00	210,00	210,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Măng Cành (Thôn Kon Chênh, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi)						
	Điểm trường thôn Kon Năng	1	430,00	113,00	113,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường PTDTBT Tiểu học Măng Cành (xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi)						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường thôn Măng Cành	1	855,00	118,00	118,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Đăk Ne	1	479,00	108,00	108,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Tu Răng 2	1	349,00	56,00	56,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Đăk Tăng xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi)						
	Điểm trường thôn Đăk Tăng	1	1.284,00	93,00	93,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Vi Xây	1	869,2	320,00	320,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH & THCS Đăk Tăng (xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi)						
	Điểm trường thôn Vi xây (thửa 2)	1	2.011,00	428,00	428,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp						
	Trạm chăn nuôi thú y	1	800,00	128,00	128,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trạm bảo vệ thực vật	1	1.300,00	65,00	65,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trụ sở làm việc tại địa chỉ 231 Võ Nguyên Giáp	1	3.300,00	224,00	224,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Trụ sở Đảng Ủy-HĐND-UBND-UBMTTQ VN TT Măng Đen	1	3.848,50		474,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trụ sở Đảng ủy -HĐND-UBND-UBMT xã Măng Cành (Thôn Kon Chênh- Xã Măng Cành)	1	5.870,00		855,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trụ sở Đảng ủy -HĐND-UBND-UBMT xã Đăk Tăng (Thôn Vi Xây- Xã Đăk Tăng)	1	3.849,00		789,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Nhà làm việc BCH quân sự xã Măng Cành (Thôn Kon Chênh- xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi)	1	1.248,00		213,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
78	XÃ MĂNG BÚT	24	10.523,00	1.794,00	2.188,00		
-	Trường PTDTBT Tiểu học Đăk Rìng						
	Điểm trường thôn Đăk La	1	247,90	97,00	97,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Đăk Da - Làng Đăk Sao	1	299,60	59,00	59,00		
	Điểm trường thôn Đăk Ang (thửa số 02)	1	253,00	59,00	59,00		
	Điểm trường thôn Đăk Da	1	327,50	143,00	143,00		
	Điểm trường thôn Đăk Lâng	1	166,90	62,00	62,00		
	Điểm trường thôn Đăk Chờ	1	488,90	124,00	124,00		
	Điểm trường thôn Tăng Pơ	1	279,50	126,00	126,00		
-	Trường PTDTBT Tiểu học Đăk Nền						
	Đất Điểm trường thôn Đăk Lúp (thửa số 3)	1	252,00	86,00	86,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Đất Điểm trường thôn Tu Thôn	1	245,00	70,00	70,00		
	Đất Điểm trường thôn Tu Ngú	1	211,00	90,00	90,00		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Đất Điểm trường thôn Xô Luông	1	988,00	208,00	208,00		
-	Trường PTDTBT Cấp 1,2 Măng Bút 1 (Thôn Măng Bút - xã Măng Bút)						
	Đất thôn măng Bút	1	475,60	211,00	211,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường PTDTBT Cấp 1,2 Măng Bút 2 (Thôn Đăk Chun - xã Măng Bút)						
	Điểm trường thôn Đăk Giắt	1	1.515,00	163	163	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Đăk Nền						
	Điểm trường thôn Đăk Lúp (Làng Tu Ngú)	1	210,00	55,00	55,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Xô Luông (Làng Thôn Vương)	1	821,00	110,00	110,00		
-	Trường Mầm non Đăk Ring						
	Điểm trường thôn Vác Y Nhông làng Tăng Pơ	1	262,60	50,00	50,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Đăk Chờ	1	462,20	90,00	90,00		
	Điểm trường Thôn Ngọc Ring	1	177,00	50,00	50,00		
	Điểm trường thôn Đăk Da làng Đăk Niêu	1	182,00	54,00	54,00		
	Điểm trường thôn Đăk Da làng Đăk Sao	1	157,00	50,00	50,00		
	Trường Mầm non Đăk Ring (Thôn Vác y Nhông - xã Đăk Ring- huyện Kon Plông- tỉnh Kon Tum)						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Điểm trường thôn Đăk Da	1	222,80		50,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Điểm trường thôn Đăk KLa	1	229,10		100,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường PTDTBT tiểu học ĐẮK RING (Thôn Vắc Y Nhông, xã Đăk Ring, huyện Kon P lông, tỉnh Kon Tum)						
	Điểm trường thôn Đăk Doa	1	420,40		134,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
	Trường MN Đăk Nền (Thôn Đăk Lúp- xã Đăk Nền-huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum)						
	Đất điểm trường thôn Đăk Tiêu, xã Đăk Nền	1	1.629,00		110,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
79	XÃ KON PLÔNG	3	707,00	-	218,00		
	Trường mầm non Ngọc Tem (thôn Đieck Not A- Xã Ngọc Tem - huyện Kon Plông-tỉnh Kon Tum)						
	Đất Thôn Đieck Kua (Thôn Đieck Kua, Xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum)	1	276,00		40,00		
	Đất Thôn Đieck Tà Âu (Thôn Đieck Tà Âu, Xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum)	1	96,00		66,00		
	Đất Thôn Đieck Tem (Quyền sử dụng đất 2) (Thôn Đieck Tem, Xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum)	1	335,00		112,00		
80	XÃ RỜ KƠ	1	936,60	-	153,00		

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Điểm trường Thôn Khôk Klong	1	937		153	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
81	XÃ MÔ RAI	6	3.418,40	619,82	619,82		
-	UBND xã Mô Rai						
	Trạm Truyền thanh xã Mo rai (Làng Kênh xã Mo Ray, huyện Sa Thầy)	1	500	65	65	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non xã Mô Rai						
	Điểm trường làng Tang (02 nhà học)	1	1.359	184	184	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường làng K đin 1 (01 phòng)	1	244	75	75	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường PTDTBT TH Lý Thường Kiệt						
	Điểm trường Làng Kđin (Nhà học 01 phòng)	1	276	77	77	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Làng Le 2 (Khu nhà ở Giáo viên 3 phòng)	1	285	92	92	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm Trường Làng Xộp (Nhà học 2 Phòng)	1	755	128	128	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
82	UBND PHƯỜNG KON TUM	29	43.313,97	17.037,90	21.295,18		
-	Trụ sở Chi cục Kiểm lâm tỉnh (cũ)-806 (71 cũ) Phan Đình Phùng	1	3.624,00	871,00	1.285,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Văn phòng Tỉnh ủy (trụ sở làm việc cũ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Ban Nội chính Tỉnh ủy)-236 Bà Triệu	1	4.796,00	695,20	1.714,90	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cũ) -170A Bà Triệu	1	1.557,00	706,90	1.577,60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Sở Nội vụ (cũ) -240 Bà Triệu	1	1.388,00	631,00	2.155,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cũ)-292 Bà Triệu	1	1.422,00	624,00	1.248,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Chi cục Dân số cũ- Nhà làm việc 2 tầng-147 Lê Hồng Phong	1	47,00	63,00	63,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Cục Thuế tỉnh Kon Tum cũ 92 Trần Phú	1	1.700,00	1.783,00	1.783,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đảng uỷ phường Kon Tum (Trụ sở làm việc Thành uỷ cũ) 680 Trần Phú	1	1.824,90	800,00	800,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	UBND phường Kon Tum (Nhà Làm Việc Trụ sở của HĐND - UBND TP Kon Tum cũ, đang bố trí cho HĐND-UBND và cơ quan chuyên môn của Phường)-Số 542 Nguyễn Huệ	1	4.350,00	1.955,20	1.955,20	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	UBND phường Kon Tum (Trụ sở tiếp công dân cũ, đang bố trí cho TT PV HCC phường Kon Tum)-Số 294 Lê Hồng Phong	1	1.285,60	453,22	453,22	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	UBND phường Kon Tum (Trụ sở làm việc Phòng Tài Nguyên và Môi trường cũ, đang bố trí cho TTPTQĐ phường Kon Tum) -37 Nguyễn Trãi (Số cũ 10)	1	471,25	198,60	198,60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	UBND phường Kon Tum (Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin thành phố cũ, đang bố trí cho TT DV Nông nghiệp phường Kon Tum) -Tại Đường Nguyễn Sơn (sau Quảng Trường 16/3)	1	1.207,20	650,56	325,28	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm trường Mầm non Tuổi Thơ-39 Lê Lợi	1	1.248,00	487,82	487,82	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường mầm non Hoa Thạch Thảo (cũ) -điểm trường chính	1	1094,8	633,00	633,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở của UBND phường Thống Nhất -số 509, đường Nguyễn Huệ	1	505,10	80,00	80,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố -234 Quốc lộ 24	1	712,00	305,00	305,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị -39 Nguyễn Trãi	1	487,23	346,00	346,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trạm Khí Tượng Thủy Văn (Kon Tum)	1	4.523,00	145,00	145,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Phòng Kinh tế thành phố (cũ) -05 Nguyễn Đình Chiểu	1	728,00	281,00	281,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trụ sở Trạm chăn nuôi thú y (Địa chỉ Đường Hai Bà Trưng ,P Kon Tum)	1	480,00	91,50	91,50	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật (54b Đường Trần Hưng Đạo, Phường Kon Tum)	1	444,00	93,70	93,70	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Đất trụ sở Phòng LĐTB&XH thành phố (96 Trần Phú, Phường Kon Tum)	1	533,90	187,30	187,30	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở của Phòng Dân tộc thành phố (cũ) nay là Phòng Dân tộc và Tôn giáo thành phố (địa chỉ: 19 Bắc Cạn nay là số 256 Bắc Cạn, Phường Kon Tum)	1	977,60	197,00	197,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Khối Mặt trận và các Đoàn thể thành phố Kon Tum (Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Kon Tum số 75 Trần Hưng Đạo, Phường Kon Tum)	1	1.344,75	527,06	527,06	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Phòng Quản lý đô thị cũ (số 620 Trần Phú, P Kon Tum)	1	312,44	291,84	422,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH Nguyễn Văn Cừ (Điểm trường thôn Plei Tơ Nghia)	1	466,00	112,00	112,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Trường Chính trị (cấp huyện cũ) (số 475 Nguyễn Huệ)	1	1.711,00	1.271,00	1.271,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trụ sở của Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Kon Tum cũ (74 Ba Đình)	1	2.877,00	1.095,00	1.095,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN phường Quyết Thắng cũ (Địa chỉ: 24 Bùi Thị Xuân)	1	2.291,00	1.462,00	1.462,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH
83	UBND PHƯỜNG ĐẮK CẨM	4	1.779,50	470,00	470,00		
-	Trường Mầm Non Hoa Anh (Điểm trường Sư Vạn Hạnh)	1	126			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường MN Hoa Ngọc Lan 'Thôn 2 (Điểm lẻ)	1	904	56	56	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm Non Hoa Anh Đào Điểm trường Tổ 7, đường Sư Vạn Hạnh, phường Duy Tân	1	150	55	55	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường MN Hoa Ngọc Lan - Thôn 1	1	600	359	359	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
84	UBND XÃ NGỌK BAY	9	14.403,90	960,50	1.102,50		
-	Trường TH&THCS Ngok Bay (Điểm trường Thôn Kơ Năng)	1	459,00	42,00	42,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH&THCS Kroong (Điểm trường chính cấp TH thôn 2)	1	2.474,90	296,00	296,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH&THCS Kroong (Điểm trường thôn Trung Nghĩa Đông cấp TH)	1	3.561,60	158,00	158,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Điểm Trường Mầm Non Vàng Anh (Thôn Trung Nghĩa Đông xã K Roong cũ)	1	1.599,80	88,90	88,90	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Điểm Trường Mầm Non Vàng Anh (Thôn Trung Nghĩa Tây xã Kroong cũ)	1	1.368,30	88,60	88,60	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường tiểu học Đặng Trần Côn (Điểm trường tiểu học thôn Plei Klech)	1	1.485,70	88,00	88,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH Lê Văn Tám (điểm trường thôn Trung Thành)	1	2.944,60		142,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường Mầm non Bằng Lăng (Điểm trường Thôn KonHongko Kotu)	1	315,00	168,00	168,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang (Điểm trường thôn PleiKlech)	1	195,00	31,00	31,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
85	UBND XÃ IA CHIM	4	6.121,00	511,00	511,00		
-	Trường TH-THCS Ia Chim						
	Khu tập thể giáo viên (Thôn Nghĩa An, xã Ia Chim)	1	1.818,00	135,00	135,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường thôn Plei Sar (Thôn Plei Sar, xã Ia Chim)	1	500,00	96,00	96,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH-THCS Đăk Năng-Điểm trường Thôn Plei Rơ Wăk, xã Ia Chim gồm 02 dãy nhà học 2 phòng (Thôn Plei Rơ Wăk, xã Ia Chim)	1	3.803,00	228,00	228,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH-THCS Ia Chim						

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
	Nhà học lâm Tùng- Điểm trường cũ của (địa chỉ: thôn Lâm Tùng, xã Ia Chim)	1	-	52,00	52,00	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	BỔ SUNG
86	UBND XÃ ĐẮK RƠ WA	11	15.393,15	2.724,70	2.352,20		
-	Trụ sở Ủy ban MTTQVN xã Đăk Rơ Wa (Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Hòa Bình cũ (Thôn 4 - xã Hòa Bình))	1	5.394	852	649	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đăk Bla (cũ)	1	3.376	904	734	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường MN Hoa Sen (Xã Chư Hreng)						
	Điểm trường mầm non Hoa Sen	1	221	65	65	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Mầm non Hoa Sen	1	383	59	59	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường MN Hoa Sen	1	322	99	99	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường TH-THCS Đăk Blà cũ						
	Cơ sở hoạt động sự nghiệp của Trường TH - THCS Đăk Blà	1	1.206	105	105	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Cơ sở hoạt động sự nghiệp của Trường TH - THCS Đăk Bla	1	646			Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường Mầm non Tuổi Hồng, xã Đăk Rơ Wa (Cũ) Điểm trường thôn Kơ Năm	1	1.337	58	58	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

STT	Tên đơn vị đang quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất	Diện tích (m2)			Phương án xử lý	GHI CHÚ
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà		
-	Trường TH - THCS xã Đắk Rơ Wa (cũ) Điểm trường số 5	1	715	66	66	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
-	Trường MN Năng Hồng						
	Nhà trẻ thôn Kon H Rìng	1	247	63	63	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà trẻ thôn Kon Tu II(Kon j ri xút)	1	1.547	454	454	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
87	UBND XÃ ĐẮK PXI	1	258,10	101,40	101,40		
	Trường MN Sao Mai						
	Đất điểm trường thôn 7 (Nay là Thôn Kon PaoKoLa)	1	258,10	101,40	101,40	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	ĐIỀU CHỈNH